BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

MÃ NGÀNH: 7480107

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Hải Phòng - 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL:	Cán bộ quản lý
CGCN:	Chuyển giao công nghệ
CNKT:	Công nghệ kỹ thuật
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTĐT:	Chương trình đào tạo
CSVC:	Cơ sở vật chất
CVHT:	Cố vấn học tập
ĐBCL:	Đảm bảo chất lượng
ĐH:	Đại học
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GV:	Giảng viên
GVCN:	Giảng viên chủ nhiệm
KĐCLGD:	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN:	Khoa học và công nghệ
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
PVCĐ:	Phục vụ cộng đồng
QLCL:	Quản lý chất lượng
SV:	Sinh viên
TC:	Tín chỉ
THPT:	Trung học phổ thông
THCS:	Trung học cơ sở
TTNT	Trí tuệ nhân tạo

`

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT i
MỤC LỤC ii
DANH MỤC CÁC BẢNG iii
PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC 1
I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ 1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ 1
1.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin 9
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO 12
2.1. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và hoàn thiện đội ngũ nhân lực AI chất lượng cao 12
2.2. Đáp ứng nhu cầu nhân lực Trí tuệ nhân tạo trong nước và tại địa phương ... 15
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ 20
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO 22
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT 22
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo 23
3.4. Nội dung CTĐT 23
3.5. Kế hoạch đào tạo 36
3.6. Hướng dẫn thực hiện chương trình 37
3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo 38
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO ... 39
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT 39
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học 44
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên 84
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 84
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học 84
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo 90
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO 106
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo 106
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở 106
VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO 107
7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành 107
7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo 107
VII. TỰ ĐÁNH GIÁ 108

`

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm học phần 38
Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo 40
Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học 44
Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học 63
Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy 85
Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy 86
Bảng 5.3. Trang thiết bị phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính 88
Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện 90
Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Trí tuệ nhân tạo 91

`

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thỏa thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: "Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững".

Sứ mạng: "Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Người học ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến".

Tầm nhìn - 2030: "Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư".

Giá trị cốt lõi: "Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiễn".

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác bảo đảm chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, Nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng

68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2019 ÷ 2024, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI, Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2024, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,… Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

1.1.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 02 cơ sở đào tạo tại Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và

01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m^2; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m^2. Trong những năm qua, Nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 01 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:

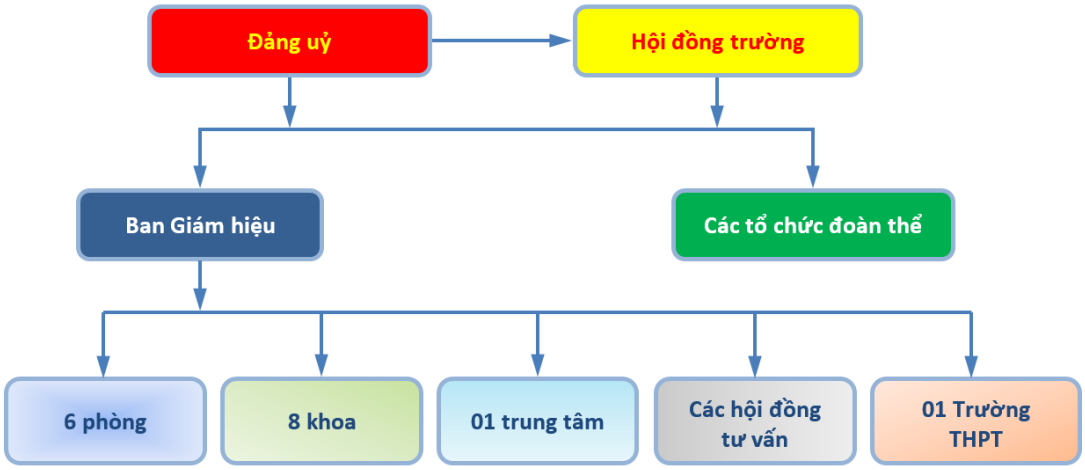

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

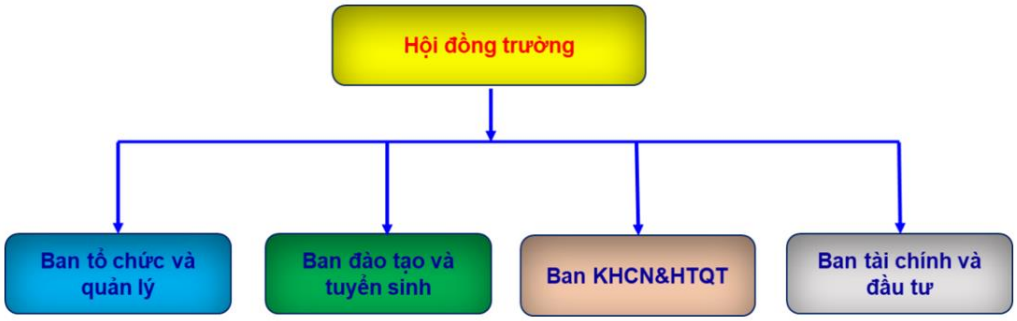

Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã có những bước phát triển mạnh mẽ, uy tín, vị thế đã được khẳng định đối với xã hội. Nhà trường được Đảng, Nhà nước; các cấp bộ, ngành, tỉnh Hải Dương ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: 01 Huân chương độc lập hạng Nhất, 02 Huân chương lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba, cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ năm 2018, cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương (năm 2016, 2017, 2021), cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công an (năm 2015), bằng khen của Bộ Công Thương (năm 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022), cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Hải Dương năm 2021, 2023; Cờ thi đua xuất sắc của Tỉnh ủy Hải Dương năm 2019; bằng khen của UBND tỉnh Hải Dương (năm 2015, 2017, 2019, 2020, 2024), bằng khen Bộ Công an (năm 2016, 2019, 2021), bằng khen Bộ Quốc phòng (năm 2017), bằng khen của Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng (năm 2017), bằng khen của Liên hiệp Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2021, giấy khen UBND thành phố Chí Linh năm 2023.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:

+ Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.

+ Tên tiếng Anh: Sao Do University (SDU).

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.

- Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

+ Cơ sở 2: Số 72, Thái Học, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Thông tin liên hệ:

+ Điện thoại: 02203882269;Số fax: 02203882921.

+ Email: sdu.edu.vn@gmail.com; Website: http://saodo.edu.vn.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Trí tuệ nhân tạo

- Mã ngành: 7480107

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Mã trường tuyển sinh: SDU

- Phương thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh (Theo chương trình GDPT 2018):

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

X21: Toán, Địa lí, GDKT&PL

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4,5 năm

1.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin

Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập tháng 3/2001 với tên khoa là Điện tử - Tin, từ ngày 01/4/2021 được đổi tên thành khoa Công nghệ thông tin, tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 15 GV (trong đó 11 GV cơ hữu, 04 GV giảng dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 02 GV là tiến sĩ (chiếm 13,33%), 02 GV đang nghiên cứu sinh.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình cho các ngành học thuộc bậc đại học ngành Công nghệ thông tin và các học phần giáo dục đại cương. Qua đó, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến, rèn luyện nâng cao thể lực cho sinh viên để học tập và lao động, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác hoạch định chiến lược đào tạo và phát triển ngành học theo định hướng chiến lược chung của nhà trường. Khoa chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực AI; đồng thời phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường nhằm phát huy hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển cho ngành Công nghệ thông tin (CNTT) theo từng giai đoạn, phù hợp với nhu cầu nhân lực và xu thế công nghiệp 4.0.
- Thiết kế và thẩm định chương trình đào tạo ngành CNTT, đảm bảo sinh viên sau tốt nghiệp có năng lực đáp ứng yêu cầu thị trường và hội nhập quốc tế.
- Biên soạn, cập nhật giáo trình, tài liệu giảng dạy, bài giảng số đảm bảo tính hiện đại, thực tiễn.
- Quản lý hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bộ môn trực thuộc; thúc đẩy hợp tác đa ngành (dưới dạng các dự án CNTT trong nông nghiệp, giáo dục, y tế, công nghiệp...).
- Tổ chức các hoạt động KHCN và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT; xây dựng mối liên kết với doanh nghiệp, viện nghiên cứu để sinh viên có cơ hội thực hành, thực tập và làm dự án thực tế.
- Phát triển đội ngũ giảng viên và nhân lực nghiên cứu, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, năng lực nghiên cứu, hợp tác quốc tế.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo và điều chỉnh kịp thời theo phản hồi của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên...).
- Tham gia tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp, và hỗ trợ các khoa trong công tác giảng viên chủ nhiệm, đảm bảo môi trường học tập và rèn luyện thuận lợi cho sinh viên.
- Theo dõi, giám sát các bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Khoa là đơn vị tiên phong trong chuyển đổi số và ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đào tạo, nghiên cứu và quản lý. Chương trình đào tạo luôn được cập nhật theo xu hướng mới, gắn với nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động, giúp sinh viên có khả năng

thích ứng cao và làm chủ các công nghệ hiện đại như AI, IoT, dữ liệu lớn hay an toàn thông tin. Khoa xây dựng môi trường học tập năng động, sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Hệ thống phòng lab, trang thiết bị thực hành hiện đại cùng với mạng lưới hợp tác doanh nghiệp rộng mở tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận cơ hội thực tập, việc làm và triển khai các dự án thực tế. Bên cạnh đó, Khoa CNTT đóng vai trò nòng cốt trong việc hỗ trợ nhà trường phát triển các hệ thống số và giải pháp công nghệ, góp phần tạo nên sự khác biệt trong toàn bộ hoạt động của trường.vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước và kiến thức pháp luật.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tính đến tháng 10/2025 khoa hiện có 15 GV đang trực tiếp giảng dạy (trong đó 11 GV cơ hữu, 04 GV dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 02 GV là tiến sĩ (chiếm 13,33%), 02 GV đang nghiên cứu sinh. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, Bộ Công Thương tặng 03 Bằng khen; 04 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 08 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen; 02 giảng viên được UBND tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Công nghệ thông tin hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 3 phòng làm việc với tổng diện tích 172m^2 đạt bình quân 11,46 m^2/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý phòng thực hành, thực nghiệm với tổng diện tích 393 m^2 . Hệ thống phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại, phù hợp với các chuyên ngành đào tạo phục vụ tốt nhu cầu học tập, NCKH của GV và NH. Các phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị máy tính kết nối mạng internet, có các phần mềm phục vụ đào tạo và NCKH

Về nghiên cứu khoa học: Giai đoạn 2019 - 2025, Khoa Công nghệ thông tin đã chủ trì và tham gia thực hiện 10 đề tài cấp bộ/tỉnh, 50 đề tài NCKH cấp cơ sở. GV trong Khoa đã công bố 02 giáo trình/sách chuyên khảo, 48 tài liệu học tập, 28 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 123 bài trên tạp chí khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa có 04 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp tỉnh, 07 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi

sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Trong các năm kế hoạch kế tiếp, Nhà trường đều có kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH.

Về CTĐT: Khoa Công nghệ thông tin được giao quản lý 01 CTĐT trình độ đại học là ngành CNTT (được ban hành theo Quyết định số 361/QĐ-ĐHSĐ ngày 29/7/2025), và các học phần giáo dục đại cương cho các ngành đào tạo của Nhà trường.

Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Công nghệ thông tin luôn đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên, lĩnh vực xã hội và pháp luật; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

2.1. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và hoàn thiện đội ngũ nhân lực AI chất lượng cao

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) đã và đang trở thành công nghệ nền tảng, đóng vai trò cốt lõi trong quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của mỗi quốc gia. AI không chỉ hỗ trợ tự động hóa sản xuất, tối ưu hóa quy trình vận hành, mà còn mở ra các mô hình kinh doanh mới, các sản phẩm – dịch vụ thông minh, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý nhà nước. Đối với Việt Nam, việc phát triển và ứng dụng AI là yếu tố trọng tâm để hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia có nền kinh tế số phát triển, đồng thời tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

Chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quan trọng định hướng phát triển AI và chuyển đổi số. Nổi bật là Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*. Chiến lược đặt ra các mục tiêu cụ thể: đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển giải pháp và sản phẩm AI hàng đầu khu vực, hình thành hệ sinh thái AI vững mạnh, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân lực AI chất lượng cao với trình độ tiệm cận các nước tiên tiến**.** Bên cạnh đó, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày

03/6/2020) cũng xác định AI là một trong các công nghệ trụ cột, đóng vai trò quan trọng trong các ngành kinh tế trọng điểm như sản xuất thông minh, y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp công nghệ cao và quản trị đô thị.

Những văn bản này nhấn mạnh rằng nguồn nhân lực AI là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Chính phủ khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học nhanh chóng triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ AI nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Thực trạng nhân lực AI tại Việt Nam

Mặc dù tiềm năng lớn, Việt Nam hiện đang đối mặt với sự thiếu hụt trầm trọng về số lượng và chất lượng nhân lực AI. Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023) ước tính đến năm 2030, Việt Nam cần hàng chục nghìn chuyên gia và kỹ sư AI để đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế, trong khi các chương trình đào tạo hiện tại mới chỉ cung cấp được một phần nhỏ. Một số báo cáo ước tính mức tăng ~74% hoặc tương đương hàng chục nghìn chuyên gia mỗi năm, cho thấy nhu cầu cấp thiết về đào tạo chính quy để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp và khu vực công. [(1)]

Ngoài ra, các chỉ số phát triển kinh tế số và chiến lược quốc gia (Bộ Thông tin & Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ) cũng đặt mục tiêu tăng mạnh tỷ trọng kinh tế số và yêu cầu nguồn nhân lực số lớn đến năm 2030, làm rõ hơn tính cấp thiết khi lập mạng lưới đào tạo AI ở các địa phương ngoài Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.[(2)]

Phần lớn lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin mới dừng lại ở mức lập trình, phát triển phần mềm truyền thống; tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên sâu về AI, học máy (machine learning), thị giác máy tính (computer vision) hay xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) còn rất hạn chế.

Bên cạnh đó, nhiều cán bộ quản lý, chuyên gia trong các ngành kinh tế - kỹ thuật chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng ứng dụng AI, khiến việc triển khai các dự án chuyển đổi số, khai thác dữ liệu lớn (big data), tự động hóa sản xuất gặp khó khăn. Trong khi đó, các doanh nghiệp công nghệ, tập đoàn sản xuất lớn, công ty tài chính - ngân hàng, y tế, giao thông, thương mại điện tử,… đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi đội ngũ nhân lực có

[1] https://laodong.vn/giao-duc/tang-toc-dao-tao-nhan-luc-cho-linh-vuc-ai-1458538.ldo

[2] https://vjst.vn/kinh-te-so-va-ky-nguyen-vuon-minh-cua-viet-nam-van-de-quan-tri-ai-phu-hop-voi-he-gia-tri-quoc-gia-68613.html?utm_source=chatgpt.com

khả năng nghiên cứu, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống AI quy mô lớn, có tính bảo mật và tính ứng dụng cao.

Về hiện trạng đào tạo nguồn lực Trí tuệ nhân tạo tại khu vực phía Bắc

Có thể nhận thấy rằng số lượng các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ngành này còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung tại các trường đại học lớn ở Hà Nội như Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Trong khi đó, tại khu vực vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ mở rộng (gồm các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng), phần lớn các cơ sở đào tạo đại học như Đại học Hàng hải Việt Nam, Đại học Hải Phòng, Đại học Hải Dương, Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Đại học Hạ Long,… hiện chưa triển khai đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo chính quy.

Do đó, việc Trường Đại học Sao Đỏ đề xuất mở ngành Trí tuệ nhân tạo là phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực số của khu vực, góp phần lấp khoảng trống trong mạng lưới đào tạo đại học, đáp ứng nhu cầu nhân lực AI tại các địa phương có tốc độ công nghiệp hóa cao như Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh.

Vai trò của đào tạo đại học trong phát triển nguồn nhân lực AI

Trước những yêu cầu cấp bách đó, việc mở ngành đào tạo đại học Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ mang ý nghĩa chiến lược trên nhiều phương diện:

a. Tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Chương trình đào tạo bài bản sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về toán học, khoa học dữ liệu, lập trình, cùng các kỹ năng chuyên sâu như học sâu (deep learning), thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, phân tích dữ liệu lớn, và phát triển các ứng dụng thông minh. Sinh viên được rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo, nghiên cứu độc lập, có khả năng giải quyết bài toán thực tiễn trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh…

b. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bảo đảm an ninh công nghệ

AI không chỉ là công cụ sản xuất mà còn liên quan mật thiết tới an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và chủ quyền số. Việc đào tạo đội ngũ chuyên gia AI trong nước giúp giảm phụ thuộc vào nguồn nhân lực và công nghệ nước ngoài, nâng cao năng lực tự chủ, bảo vệ an ninh quốc gia trên không gian mạng.

c. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo

Sinh viên, giảng viên và các nhóm nghiên cứu AI tại Trường sẽ trở thành hạt nhân cho các dự án khoa học công nghệ cấp địa phương, cấp bộ và quốc gia. Các đề tài nghiên cứu có thể tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như nhận dạng hình ảnh, robot tự hành, trợ lý ảo, phân tích dữ liệu y tế, hệ thống dự báo, tối ưu hóa sản xuất… qua đó góp phần nâng cao vị thế của Trường trong hệ thống giáo dục đại học.

d. Lợi ích đối với thành phố Hải Phòng và khu vực

Thành phố Hải Phòng đang triển khai quyết liệt chương trình chuyển đổi số và phát triển công nghiệp công nghệ cao. Đến năm 2030, tỉnh phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại của vùng đồng bằng sông Hồng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc có một lực lượng nhân lực trẻ, được đào tạo bài bản về AI là yếu tố tiên quyết. Nhiều doanh nghiệp trong các khu công nghiệp của tỉnh, đặc biệt trong các lĩnh vực cơ khí chính xác, điện tử, logistics và nông nghiệp công nghệ cao, đã và đang triển khai các giải pháp AI trong quản lý sản xuất, kiểm soát chất lượng, bảo trì thiết bị dự đoán (predictive maintenance), tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nhận dạng sản phẩm, tự động hóa quy trình.

Mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ – cơ sở giáo dục Đại học công lập có uy tín, bề dày kinh nghiệm đào tạo các ngành kỹ thuật và công nghệ – sẽ giúp cung cấp đội ngũ kỹ sư AI ngay tại chỗ, phục vụ kịp thời nhu cầu doanh nghiệp địa phương, đồng thời thu hút sinh viên các tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên,…

Tính cấp thiết và khả thi

Với lợi thế về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và kinh nghiệm đào tạo các ngành công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ điện tử, Trường Đại học Sao Đỏ hoàn toàn có điều kiện để mở và triển khai chương trình đào tạo AI đạt chuẩn quốc gia và tiếp cận quốc tế. Việc này phù hợp với tầm nhìn phát triển nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng, gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của Trường trong lĩnh vực công nghệ cao.

Việc mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo không chỉ là nhu cầu khách quan để đáp ứng Chiến lược quốc gia về AI và Chuyển đổi số, mà còn là bước đi quan trọng nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực AI chất lượng cao cho Thành phố Hải Phòng và cả nước. Đây chính là cơ sở khoa học và thực tiễn khẳng định sự cấp thiết của việc triển khai ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Đáp ứng nhu cầu nhân lực Trí tuệ nhân tạo trong nước và tại địa phương

a. Bối cảnh phát triển nhân lực AI trong nước

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, Trí tuệ nhân tạo (AI) được xem là động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Việt Nam đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP vào năm 2030, trong đó AI là một trong những công nghệ nền tảng. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu này, Việt Nam cần hàng chục nghìn kỹ sư, chuyên gia AI và các nhà khoa học dữ liệu**.**

Các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp công nghệ cao, ngân hàng, công ty tài chính, y tế, thương mại điện tử… đều đang đầu tư mạnh vào các ứng dụng AI như: học sâu (deep learning), thị giác máy tính (computer vision), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), phân tích dữ liệu lớn (big data analytics), hệ thống gợi ý và robot tự động. Nhu cầu nhân sự AI không chỉ giới hạn ở các công ty công nghệ, mà còn lan rộng đến các ngành công nghiệp truyền thống như dệt may, cơ khí chính xác, sản xuất linh kiện điện tử, logistics, nông nghiệp thông minh và quản trị đô thị.

Tuy vậy, nguồn nhân lực AI hiện nay vẫn đang trong tình trạng khan hiếm. Các chương trình đào tạo chính quy chuyên sâu về AI tại Việt Nam còn ít, chủ yếu tập trung tại một số trường đại học lớn ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Nhiều doanh nghiệp phản ánh phải tuyển dụng kỹ sư AI từ nước ngoài hoặc tự đào tạo lại nhân sự CNTT, dẫn đến chi phí cao và rủi ro về chất lượng. Theo khảo sát của TopDev (2024), chỉ khoảng 15 - 20% kỹ sư CNTT tại Việt Nam có khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn về AI, và khoảng 70% doanh nghiệp phải dành từ 6 đến 12 tháng để bồi dưỡng, đào tạo lại nhân sự.

b. Xu hướng tuyển dụng và cơ hội việc làm AI

Các dự báo quốc tế cho thấy tốc độ tăng trưởng việc làm trong lĩnh vực AI thuộc nhóm cao nhất thế giới. Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) dự báo từ nay đến năm 2030, số việc làm liên quan đến khoa học dữ liệu và AI ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương tăng trung bình 30 - 35% mỗi năm. Tại Việt Nam, các vị trí kỹ sư học máy, nhà khoa học dữ liệu, kỹ sư thị giác máy tính, chuyên gia NLP, kỹ sư AI ứng dụng trong sản xuất và y tế đều nằm trong nhóm "khát nhân lực"**.** Mức lương cho kỹ sư AI hiện cao hơn 1,5 - 2,0 lần so với kỹ sư CNTT truyền thống, dao động từ 25 - 60 triệu đồng/tháng, tùy năng lực và kinh nghiệm.

Không chỉ các công ty công nghệ, những tập đoàn sản xuất lớn, các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm, y tế và giáo dục cũng đang tìm kiếm đội ngũ kỹ sư AI để triển khai hệ thống tự động hóa, tối ưu hóa quy trình kinh doanh và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Thực tế này cho thấy việc đào tạo bài bản

cử nhân, kỹ sư AI ngay trong nước là giải pháp thiết yếu nhằm chủ động nguồn nhân lực, giảm phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài.

c. Nhu cầu nhân lực AI tại Thành phố Hải Phòng và khu vực lân cận

Thành phố Hải Phòng đang cho thấy xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng rõ nét, từ khu vực hành chính công đến doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ. Nhiều chương trình tập huấn về "AI Hải Phòng" đã được tổ chức cho cán bộ, công chức, đồng thời các sở, ngành cũng khuyến khích áp dụng trợ lý AI trong soạn thảo văn bản, tra cứu dữ liệu và tự động hóa công việc. Trên thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng sau Tết 2025 nhìn chung tăng, đặc biệt tại các khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất lớn. Cùng với xu hướng toàn quốc, nhiều công ty đang tìm kiếm nhân sự liên quan đến phân tích dữ liệu, phát triển phần mềm và các vị trí hỗ trợ triển khai AI.

Tuy nhiên, nhân lực có trình độ chuyên sâu về AI như học máy, học sâu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên hay thị giác máy tính hiện vẫn còn khan hiếm. Hải Phòng phải cạnh tranh mạnh với các trung tâm lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để thu hút nhân tài. Bên cạnh đó, việc đầu tư hạ tầng tính toán, dữ liệu chất lượng cao và đào tạo chuyên môn cũng là những thách thức đáng kể. Mặt khác, đây cũng là cơ hội để các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp liên kết, xây dựng các chương trình đào tạo, khóa học thực hành, cũng như mở rộng hợp tác trong các dự án AI gắn với thế mạnh địa phương như logistics, cảng biển và công nghiệp chế tạo.

Triển vọng vài năm tới cho thấy nhu cầu nhân lực AI ở Hải Phòng và khu vực lân cận sẽ tiếp tục tăng, không chỉ ở các vị trí chuyên môn cao mà còn ở các công việc gián tiếp như quản trị dữ liệu, kiểm thử hay hỗ trợ huấn luyện mô hình. Nếu thành phố tiếp tục có chính sách ưu đãi, tạo môi trường đổi mới sáng tạo và hợp tác chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, Hải Phòng hoàn toàn có thể xây dựng đội ngũ nhân lực AI vững mạnh, đáp ứng cả yêu cầu của khu vực công lẫn doanh nghiệp tư nhân.

d. Kết quả khảo sát và minh chứng thực tiễn

Để đánh giá nhu cầu nhân lực AI, nhóm xây dựng đề án đã khảo sát 11 chuyên gia, nhà khoa học chuyên môn ngành Trí tuệ nhân tạo tại địa phương; giảng viên ở các cơ sở giáo dục đào tạo đại học; 16 nhà tuyển dụng và sử dụng lao động tại một số doanh nghiệp công nghệ, khu công nghiệp và đơn vị dịch vụ trong thành phố Hải Phòng và các địa phương lân cận (Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên). Kết quả sơ bộ (tham khảo từ mô hình khảo sát mở ngành Trí tuệ nhân tạo) cho thấy:

Nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát: 11 chuyên gia, nhà khoa học chuyên môn ngành Trí tuệ nhân tạo. Kết quả có 45,5% các nhà khoa học đánh giá là "Cần thiết" và 54,5% cho là "Rất cần thiết"; 16 nhà tuyển dụng là cán bộ, nhân viên tại các doanh nghiệp. Kết quả có 81,3% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng "Rất cần thiết", 18,8% các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động đánh giá là "Cần thiết" để mở ngành Trí tuệ nhân tạo. 100% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng trong tương lai ngành Trí tuệ nhân tạo sẽ tăng trong vòng 5 năm tới.

Nhóm nhà khoa học và nhà tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Trí tuệ nhân tạo cụ thể:

- Đối với nhóm nhà khoa học: Các chuyên gia đánh giá rất cao về một số năng lực và phẩm chất như: Năng lực ngoại ngữ, Kiến thức về lập trình, Kiến thức về triển khai vận hành hệ thống AI, Mức độ tự chủ và trách nhiệm trong công việc chiếm 81,8% ở mức rất cần thiết. Với các câu hỏi về những yêu cầu kỹ năng mềm của người học tốt nghiệp ngành Trí tuệ nhân tạo, hầu hết cán bộ quản lý đều đánh giá cao người làm Trí tuệ nhân tạo phải có các kỹ năng như: Kỹ năng phát triển AI cho các lĩnh vực như robotics, IoT, hệ thống khuyến nghị, giải thích, điện toán biên và điện toán đám mây; Kỹ năng tự học, nghiên cứu và học tập suốt đời (Rất cần thiết chiếm 72,7%);

- Đối với nhóm nhà tuyển dụng: Kiến thức về triển khai vận hành hệ thống AI (Rất cần thiết: 81,3%), Kiến thức về học máy (Rất cần thiết: 75%); Kiến thức về học sâu (Rất cần thiết: 68,8%), Kiến thức về dữ liệu lớn (Rất cần thiết: 68,8%),…Và các kỹ năng: Năng lực ngoại ngữ (Rất cần thiết: 81,3%); Kỹ năng thiết kế, lập trình, triển khai và vận hành hệ thống AI (Rất cần thiết: 81,3%); Kỹ năng phát triển AI cho các lĩnh vực như robotics, IoT, hệ thống khuyến nghị, giải thích, điện toán biên và điện toán đám mây (Rất cần thiết: 75%),…

Với kết quả khảo sát như vậy, có thể thấy tiềm năng người học đối với ngành Trí tuệ nhân tạo là rất lớn, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là rất khả quan. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

e. Vai trò của Trường Đại học Sao Đỏ trong cung ứng nhân lực AI

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập có bề dày truyền thống đào tạo các ngành kỹ thuật - công nghệ, đặc biệt là Công nghệ

thông tin, Điện – Điện tử, Cơ khí, Tự động hóa. Nhà trường đã được kiểm định chất lượng, có đội ngũ giảng viên trình độ cao và hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu hiện đại, đủ khả năng triển khai chương trình đào tạo AI theo chuẩn quốc gia và tiếp cận quốc tế.

Việc mở ngành Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ sẽ:

- **Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngay tại địa phương**, đáp ứng nhu cầu cấp bách của tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận.
- Góp phần **giảm tình trạng di cư lao động trí thức** về các đô thị lớn, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên khu vực đồng bằng sông Hồng được học tập chuyên ngành AI với chi phí hợp lý.
- Tăng cường **hợp tác doanh nghiệp – nhà trường**: các doanh nghiệp có thể đặt hàng nghiên cứu, tài trợ phòng thí nghiệm, nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng trực tiếp.

f. Triển vọng nghề nghiệp và tác động xã hội

Sinh viên tốt nghiệp ngành AI có cơ hội việc làm rộng mở trong nhiều lĩnh vực:

- Doanh nghiệp công nghệ: phát triển sản phẩm AI, giải pháp phần mềm, dịch vụ thông minh.
- Công nghiệp chế tạo, ô tô, điện tử: triển khai robot tự hành, hệ thống thị giác máy tính, dây chuyền sản xuất thông minh.
- Y tế: phát triển hệ thống chẩn đoán hình ảnh, phân tích dữ liệu bệnh nhân, dự báo dịch bệnh.
- Tài chính - ngân hàng: xây dựng hệ thống giao dịch tự động, phát hiện gian lận, phân tích rủi ro.
- Nông nghiệp thông minh và quản lý đô thị: giám sát mùa vụ, dự báo thời tiết, phân tích dữ liệu cảm biến.

Ngoài ra, việc hình thành lực lượng kỹ sư AI còn tạo **hiệu ứng lan tỏa**: thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đóng góp vào các giải pháp phục vụ cộng đồng, an ninh và phát triển bền vững.

Tổng kết lại, nhu cầu nhân lực Trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng đang tăng mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Khoảng cách lớn giữa nhu cầu và khả năng cung ứng hiện nay đòi hỏi những cơ sở đào tạo có năng lực chuyên môn và cơ sở vật chất hiện đại. Việc mở ngành Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ không chỉ phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường mà còn là giải pháp thiết thực để cung cấp đội ngũ kỹ sư, chuyên gia AI chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, góp phần

thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về AI và Chuyển đổi số cũng như Quy hoạch phát triển Thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 và Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ, Nhà trường có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH & CGCN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; hợp tác quốc tế, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo quy định, góp phần gắn kết giữa đào tạo – nghiên cứu – ứng dụng trong thực tiễn.

Trong hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Trường Đại học Sao Đỏ luôn kiên định sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật – công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt cung cấp nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Hồng và thành phố Hải Phòng – trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics lớn của miền Bắc. Nhà trường định hướng phát triển theo mô hình đại học ứng dụng, gắn đào tạo với nghiên cứu, sản xuất và phục vụ cộng đồng; đồng thời chủ động hội nhập quốc tế và thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nhà trường xác định các định hướng trọng tâm:

- Phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc gia và quốc tế, có năng lực nghiên cứu và triển khai công nghệ mới;
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học;
- Mở rộng các ngành đào tạo mới gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ số, khoa học dữ liệu, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo;
- Thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu, gắn kết nghiên cứu khoa học với ứng dụng thực tiễn;
- Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 95%.

Trên cơ sở đó, việc mở ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) tại Trường Đại học Sao Đỏ là hoàn toàn phù hợp và mang tính chiến lược, thể hiện rõ các yếu tố sau:

Thứ nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được Bộ Công Thương giao. AI là lĩnh vực then chốt trong chiến lược phát triển công nghiệp và chuyển đổi số quốc gia, góp phần trực tiếp vào nhiệm vụ "đào tạo nhân lực chất lượng cao, có khả năng nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến". Trường đã có nền tảng vững chắc với các ngành Công nghệ thông tin, Cơ điện tử, Tự động hóa, Điện - Điện tử, là cơ sở thuận lợi để mở rộng sang lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo – ngành học mang tính liên ngành, tích hợp giữa CNTT, Toán ứng dụng, Khoa học dữ liệu và kỹ thuật điều khiển.

Thứ hai, phù hợp với chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030 của Nhà trường, trong đó xác định trọng tâm là "tăng cường mở các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của CMCN 4.0, chú trọng công nghệ số và AI". Việc triển khai đào tạo AI giúp Nhà trường mở rộng phạm vi chuyên môn, phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn về học máy (machine learning), thị giác máy tính (computer vision), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và AI tạo sinh (generative AI), góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Trường trong đào tạo công nghệ cao.

Thứ ba, phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực tổ chức của Trường. Trường Đại học Sao Đỏ có đội ngũ giảng viên cơ hữu mạnh trong các lĩnh vực nền tảng của AI, hệ thống phòng thí nghiệm máy tính cấu hình cao, trung tâm dữ liệu, các nhóm nghiên cứu và câu lạc bộ sáng tạo khoa học kỹ thuật (Robocon, IoT, robotics…). Nhiều đề tài cấp bộ, cấp tỉnh đã được triển khai thành công trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa – là nền tảng trực tiếp cho việc giảng dạy và nghiên cứu AI.

Bên cạnh đó, Nhà trường có quan hệ hợp tác quốc tế với các đại học tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, tạo cơ hội trao đổi giảng viên, sinh viên và chuyển giao tri thức AI hiện đại.

Thứ tư, việc mở ngành Trí tuệ nhân tạo còn góp phần thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố Hải Phòng và khu vực Đồng bằng sông Hồng. Đây là khu vực có nhiều khu công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ đang ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, nhưng lại thiếu hụt nhân lực được đào tạo bài bản về AI. Ngành học này sẽ giúp Trường Đại học Sao Đỏ trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu ứng dụng AI của khu vực phía Bắc, cung cấp kỹ sư, chuyên gia dữ liệu và nhà phát triển giải pháp AI cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Việc mở ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Sao Đỏ là phù hợp hoàn toàn với chức năng, nhiệm vụ, sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu cấp thiết của xã hội và định hướng phát

triển nhân lực số của quốc gia. Đây là bước đi mang tính chiến lược, giúp Nhà trường khẳng định vị thế là trường đại học ứng dụng hiện đại, sáng tạo và hội nhập quốc tế, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của Thành phố Hải Phòng, Bộ Công Thương và đất nước trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 150 TC (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng (8TC) và an ninh, giáo dục thể chất (3TC)) và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 02 trường đại học trong nước và 02 trường đại học quốc tế.

[1] - Bachelor of Science in Artificial Intelligence tại Carnegie Mellon University (CMU, Mỹ). (link)

[2] - B.Tech in Computer Science and Engineering (Artificial Intelligence & Data Science) tại National Institute of Technology Warangal (NITW, Ấn Độ). (link)

[3] CTĐT Kỹ sư Trí tuệ nhân tạo, ĐH Công nghệ TT&VH Việt-Hàn, ĐH Đà Nẵng, Việt Nam. (link)

[4] CTĐT Kỹ sư Trí tuệ nhân tạo, Học viện Bưu chính Viễn thông. (link)

3.4. Nội dung CTĐT

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Trí tuệ nhân tạo
Trình độ đào tạo : Đại học (Kỹ sư)
Ngành đào tạo : Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)
Mã ngành : 7480107
Hình thức đào tạo : Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHSĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành và năng lực nghiên cứu

trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, đồng thời tích hợp các công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề phức tạp trong công nghiệp, kinh tế số, y tế và các lĩnh vực liên ngành khác. Chương trình hướng tới việc phát triển các kỹ sư trí tuệ nhân tạo có khả năng hoạt động trong môi trường toàn cầu hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động Việt Nam và quốc tế, đồng thời duy trì trách nhiệm đạo đức và ý thức xã hội trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, bền vững và các nguyên tắc AI đáng tin cậy (trustworthy AI).

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế, quốc phòng và an ninh để vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Trang bị kiến thức về khoa học tự nhiên, toán học, ngoại ngữ, tin học và chuyển đổi số để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên ngành và hỗ trợ học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Trang bị kiến thức sâu rộng về trí tuệ nhân tạo để vận hành, bảo trì và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong các hệ thống trí tuệ nhân tạo.

1.2.1.2b. Cung cấp kiến thức nền tảng vững chắc để phân tích, thiết kế và phát triển ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khoa học máy tính và trí tuệ nhân tạo, đồng thời phát triển năng lực sáng tạo ý tưởng, triển khai, đánh giá và đề xuất giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, nhận thức học và đạo đức AI nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, tổ chức và xã hội.

1.2.1.2c. Trang bị kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động doanh nghiệp trong bối cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Phát triển kỹ năng thiết kế, lập trình, triển khai và quản trị dự án AI; xây dựng và quản trị các hệ thống trí tuệ nhân tạo qua các dự án thực hành.

1.2.2.2. Phát triển kỹ năng phân tích, phản biện và dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

1.2.2.3. Phát triển năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu tài liệu chuyên ngành, xử lý công việc giao tiếp và hợp tác trong môi trường làm việc toàn cầu.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1 .2.3.1. Phát triển năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu

trách nhiệm trong công việc; đồng thời hình thành khả năng học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp.

1.2.3.2. Phát triển năng lực tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư Trí tuệ nhân tạo; có khả năng đảm nhận các vị trí như: kỹ sư học máy, kỹ sư học sâu, kỹ sư dữ liệu lớn, kỹ sư phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo, kỹ sư Blockchain tích hợp trí tuệ nhân tạo, chuyên viên phân tích dữ liệu, nhà nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, quản lý dự án trí tuệ nhân tạo,... hoặc tiếp tục nghiên cứu ở các bậc học cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, toán học, ngoại ngữ, tin học và chuyển đổi số để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và hỗ trợ học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về máy tính, lập trình, cấu trúc dữ liệu, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu; các giải thuật, kỹ thuật phân tích hệ thống và quản trị hệ thống để xác định giải pháp và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

2.1.4. Tổng hợp kiến thức cốt lõi của trí tuệ nhân tạo để vận hành, bảo trì hệ thống trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển giao công nghệ.

2.1.5. Đề xuất giải pháp sáng tạo trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo chuyên sâu, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tiên tiến một cách có trách nhiệm.

2.1.6. Hiểu biết về công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp liên quan đến trí tuệ nhân tạo để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Vận hành và quản trị hệ thống trí tuệ nhân tạo một cách hiệu quả, an toàn và bảo mật; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

2.2.2. Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

2.2.3. Thiết kế, lập trình, phân tích dữ liệu và vận hành hệ thống cơ sở,

triển khai và quản trị để hỗ trợ các dự án trí tuệ nhân tạo.

2.2.4. Phát triển khả năng phân tích, phản biện, đánh giá chất lượng và dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề phức tạp trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

2.2.5. Hợp tác và thích ứng với môi trường, công việc mới; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và người khác.

2.2.6. Đạt năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc ở bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương, cùng với kỹ năng mềm và thể chất để giao tiếp toàn cầu, hợp tác nhóm và trình bày kết quả.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có sức khỏe để đáp ứng công việc của ngành.

2.3.2. Định hướng, lập kế hoạch, hướng dẫn công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2.3.3. Tự học, tự nghiên cứu và phản biện khoa học các vấn đề trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và các vấn đề đạo đức AI.

2.3.4. Quản lý hiệu quả các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA: 4,5 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 161 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** ***General Education Knowledge***	**53**		
8.1.1		**Lý luận chính trị**	**11**	**11**	**0**

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		Political Theory			
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin *Marxist-Leninist Philosophy*	3	3	0
2	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific Socialism*	2	2	0
3	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin *Marxist-Leninist Political Economy*	2	2	0
4	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh's Ideology*	2	2	0
5	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *History of the Communist Party of Vietnam*	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - nhân văn** ***Social Sciences and Humanities***	**2**	**2**	**0**
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương *General Law*	2	2	0
8.1.3		**Ngoại ngữ** *(chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)* ***Foreign Language*** *(choose 1 of 2 languages)*	**8**	**8**	**0**
8.1.3.1		**Tiếng Anh** ***English***	**8**	**8**	**0**
7	TANH 051	Tiếng Anh 1 *English 1*	2	2	0
8	TANH 052	Tiếng Anh 2 *English 2*	3	3	0
9	TANH 053	Tiếng Anh 3 *English 3*	3	3	0
8.1.3.2		**Tiếng Trung Quốc** ***Chinese Language***	**8**	**8**	**0**
0	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 *Chinese Language 1*	2	2	0
1	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 *Chinese Language 2*	3	3	0
2	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 *Chinese Language 3*	3	3	0
8.1.4		**Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học** ***Mathematics – Natural Sciences – Informatics***	**16**	**13**	**3**

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
3	TOAN 014	Đại số tuyến tính *Linear Algebra*	3	3	0
4	TOAN 016	Giải tích *Calculus*	3	3	0
5	TTNT 019	Tối ưu hóa *Optimization*	3	3	0
6	TOAN 027	Xác suất và thống kê *Probability and Statistics*	3	2	1
7	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số *Basic Informatics and Digital Transformation*	4	2	2
8.1.5		**Kỹ năng mềm** ***Soft Skills***	**3**	**2**	**1**
8	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 *Soft Skills 1*	3	2	1
8.1.6		**Giáo dục thể chất** *(chọn 3 trong 5 học phần sau)* ***Physical Education*** *(choose 3 of 5 courses)*	**3**	**0**	**3**
9	GDTC 001	Bóng chuyền hơi *Soft Volleyball*	1	0	1
0	GDTC 002	Bóng đá *Football*	1	0	1
1	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao *Dancesport*	1	0	1
2	GDTC 005	Pickleball *Pickleball*	1	0	1
3	GDTC 006	Cầu lông *Badminton*	1	0	1
8.1.7		**Giáo dục quốc phòng và an ninh** ***National Defense and Security Education***	**8 TC (165 tiết)**		
4	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh *National Defense and Security Education*	8 TC (165 tiết)		
8.1.8		**Phần tự chọn có hướng dẫn** *(chọn 1 trong 4 học phần sau)* ***Guided Elective*** *(choose 1 of 4 courses)*	**2**	**2**	**0**
5	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh *Business Start-up*	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
6	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Scientific Research Methods*	2	2	0
7	KHXH 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp *Production Organization and Business Management*	2	2	0
8	TOAN 020	Phương pháp tính *Numerical Methods*	2	2	0
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** ***Professional Education Knowledge***	**108**		
8.2.1		**Kiến thức cơ sở ngành** ***Basic Professional Knowledge***	**27**	**19**	**8**
9	CNTT 008	Toán rời rạc *Discrete Mathematics*	2	2	0
0	CNTT 043	Lập trình C và C++ *C and C++ Programming*	3	2	1
1	TTNT 020	Lập trình Python cơ bản *Python Programming*	3	2	1
2	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật *Data Structures and Algorithms*	3	2	1
3	CNTT 005	Mạng máy tính *Computer Networks*	3	2	1
4	CNTT 042	Cơ sở dữ liệu *Database Systems*	3	2	1
5	CNTT 031	Phân tích và thiết kế hệ thống *Analysis and Design of Systems*	4	3	1
6	CNTT 108	Quản trị hệ thống Linux *Linux System Administration*	3	2	1
7	CNTT 022	Thiết kế web *Web Design*	3	2	1
8.2.2		**Kiến thức ngành** ***Specialized Knowledge***	**85**	**36**	**49**
8.2.2.1		**Phần bắt buộc** ***Compulsory Section***	**43**	**25**	**18**
38	TTNT 021	Lập trình Python nâng cao *Advanced Python Programming*	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
39	CNTT 033	Trí tuệ nhân tạo *Artificial Intelligence*	3	2	1
40	CNTT 028	Học máy *Machine Learning*	3	2	1
41	TTNT 002	Học sâu *Deep Learning*	3	2	1
42	CNTT 214	Xử lý ảnh *Image Processing*	3	2	1
43	CNTT 107	Thị giác máy tính *Computer Vision*	3	2	1
44	CNTT 209	Dữ liệu lớn *Big Data*	3	2	1
45	TTNT 004	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu *Data Analysis and Visualization*	3	2	1
46	TTNT 008	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên *Natural Language Processing*	3	2	1
47	TTNT 009	Học tăng cường và ứng dụng *Reinforcement Learning and Applications*	3	2	1
48	TTNT 017	AI tạo sinh *Generative Artificial Intelligence*	3	2	1
49	TTNT 003	Triển khai và vận hành hệ thống AI *Deployment and Operation of AI Systems*	3	2	1
50	TTNT 005	Đạo đức và bảo mật AI *AI Ethics and Security*	2	1	1
51	TTNT 006	Đồ án 1 *Capstone Project 1*	2	0	2
52	TTNT 007	Đồ án 2 *Capstone Project 2*	3	0	3
8.2.2.2		**Phần tự chọn có hướng dẫn** *(chọn 5 trong 6 học phần sau)* ***Guided Elective*** *(choose 5 of 6 courses)*	**15**	**10**	**5**
53	TTNT 010	AI cho Robotics *AI for Robotics*	3	2	1
54	TTNT 011	Hệ thống khuyến nghị *Recommender Systems*	3	2	1
55	TTNT 012	AI giải thích	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		Explainable AI			
56	TTNT 014	AI cho điện toán biên *AI for Edge Computing*	3	2	1
57	CNTT 203	Điện toán đám mây *Cloud Computing*	3	2	1
58	CNTT 032	Phát triển ứng dụng đa nền *Cross-Platform Application Development*	3	2	1
8.2.3		**Thực tập và đồ án tốt nghiệp** ***Internship and Graduation Project***	**26**	**0**	**26**
59	TTNT 401	Thực tập sản xuất *Industrial Internship*	6	0	6
60	TTNT 402	Thực tập tốt nghiệp *Graduation Internship*	8	0	8
61	TTNT 403	Đồ án tốt nghiệp *(hoặc học thêm các học phần chuyên môn sau)* *Graduation Thesis (or take additional specialized courses)*	12	0	12
62	TTNT 404	Dự án AI *AI Project*	6	0	6
63	TTNT 405	Thực hành chuyên ngành nâng cao *Advanced Professional Practice*	6	0	6
Tổng (tín chỉ) ***Total (credits)***			**161**		

B. HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý (Free Elective Courses)

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
64	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 Soft Skills 2	3	2	1
65	TANH 060/ TTRUNG 025	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT/Tiếng Trung Quốc nâng cao *English for IT/ Advanced Chinese Language*	2	2	0
66	TTNT 015	Trải nghiệm doanh nghiệp 1 *Enterprise Experience 1*	4	0	4
67	TTNT 016	Trải nghiệm doanh nghiệp 2 *Enterprise Experience 2*	4	0	4

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
68	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT *IoT Application Development*	3	2	1
69	TTNT 018	AI cho an ninh mạng *AI for Cybersecurity*	3	2	1
70	TTNT 013	Công nghệ Blockchain *Blockchain Technology*	3	2	1
Tổng (tín chỉ)			**22**	**12**	**10**

9. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			3		3	
2	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			3		3	
3	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									4			3		3	
4	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									4			3		3	
5	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			3		3	
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									4			3		3	
7	TANH 051	Tiếng Anh 1		2										3	3			
8	TANH 052	Tiếng Anh 2			1						3				3			
9	TANH 053	Tiếng Anh 3		3										3	4			
10	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1		2										3	3			
11	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2		3										3	3			
12	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3		4										4	3			
13	TOAN 014	Đại số tuyến tính		3								3			2			
14	TOAN 016	Giải tích		3								3			2			
15	TTNT 019	Tối ưu hóa		3								3			3			
16	TOAN 027	Xác suất và thống kê		3								3			2			
17	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số		3					3						3			
18	KNM 008	Kỹ năng mềm 1	2									4	3		3		3	
19	GDTC 001	Bóng chuyền hơi	2									3			4			
20	GDTC 002	Bóng đá	2									3			4			
21	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao	2									3			4			
22	GDTC 005	Pickleball	2									3			4			
23	GDTC 006	Cầu lông	2									3			4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
24	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2									4			4			
25	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				4							4			4	4	4
26	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					3						3			
27	KHXH 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp						3				3			3	3	3	
28	TOAN 020	Phương pháp tính		3								3			2			
29	CNTT 008	Toán rời rạc		2	4				4						4	4		
30	CNTT 043	Lập trình C và C++			4						4				4	4		
31	TTNT 020	Lập trình Python cơ bản				4					4				3	4		
32	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			3				4						3		4	
33	CNTT 005	Mạng máy tính			4	4			3		4	4	5		4	4		
34	CNTT 042	Cơ sở dữ liệu			4					4		3			3		4	
35	CNTT 031	Phân tích và thiết kế hệ thống			3	4				4	4				4	4		
36	CNTT 108	Quản trị hệ thống Linux			4	3				5					4	4		
37	CNTT 022	Thiết kế web				3				4					3		3	
38	TTNT 021	Lập trình Python nâng cao				4					4				3	4		
39	CNTT 033	Trí tuệ nhân tạo				4					5				4	5		
40	CNTT 028	Học máy			4				4						4	4		
41	TTNT 002	Học sâu				5					5				5	5		
42	CNTT 214	Xử lý ảnh				5					5				4	4		
43	CNTT 107	Thị giác máy tính				5					5				4	4		
44	CNTT 209	Dữ liệu lớn				4					3	5			4	4		
45	TTNT 004	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu				5					4				3	4		
46	TTNT 008	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên			4				4						4	4		
47	TTNT 009	Học tăng cường và ứng dụng				5					5				3	4		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
48	TTNT 017	AI tạo sinh				4				4					4	5		
49	TTNT 003	Triển khai và vận hành hệ thống AI				4					5				4	5		
50	TTNT 005	Đạo đức và bảo mật AI				4	3				3	4	4		4	4		
51	TTNT 006	Đồ án 1				3	4			4	5	4			3	4		
52	TTNT 007	Đồ án 2				3	4					5			3	4		
53	TTNT 010	AI cho Robotics				4					5				3	4		
54	TTNT 011	Hệ thống khuyến nghị				5					3				3	4		
55	TTNT 012	AI giải thích				3	4			3	4		4		4	4		
56	TTNT 014	AI cho điện toán biên				4					5				4	5		
57	CNTT 203	Điện toán đám mây					4					3			4	4		
58	CNTT 032	Phát triển ứng dụng đa nền				4	4				5	5			5	5		
59	TTNT 401	Thực tập sản xuất			3	3		3		3	3		3		3			3
60	TTNT 402	Thực tập tốt nghiệp			3	4		3		3		3	4		5		4	4
61	TTNT 403	Đồ án tốt nghiệp				5	4	3		4	4	4			5		4	
62	TTNT 404	Dự án AI				4					5				5	5		
63	TTNT 405	Thực hành chuyên ngành nâng cao			4	4	4			5	4	4			3	4	3	3
64	KNM 009	Kỹ năng mềm 2	2									4			2		2	
65	TANH 060/ TTRUNG 025	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT/ Tiếng Trung Quốc nâng cao		3										4	4			
66	TTNT 015	Trải nghiệm doanh nghiệp 1			3	3		3		3		3	3		3			3
67	TTNT 016	Trải nghiệm doanh nghiệp 2			3	3		4		3		3	4		3			4
68	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT				3	5				5				3	4		
69	TTNT 018	AI cho an ninh mạng				4					5				5	5		
70	TTNT 013	Công nghệ Blockchain				4					5				4	5		

3.5. Kế hoạch đào tạo

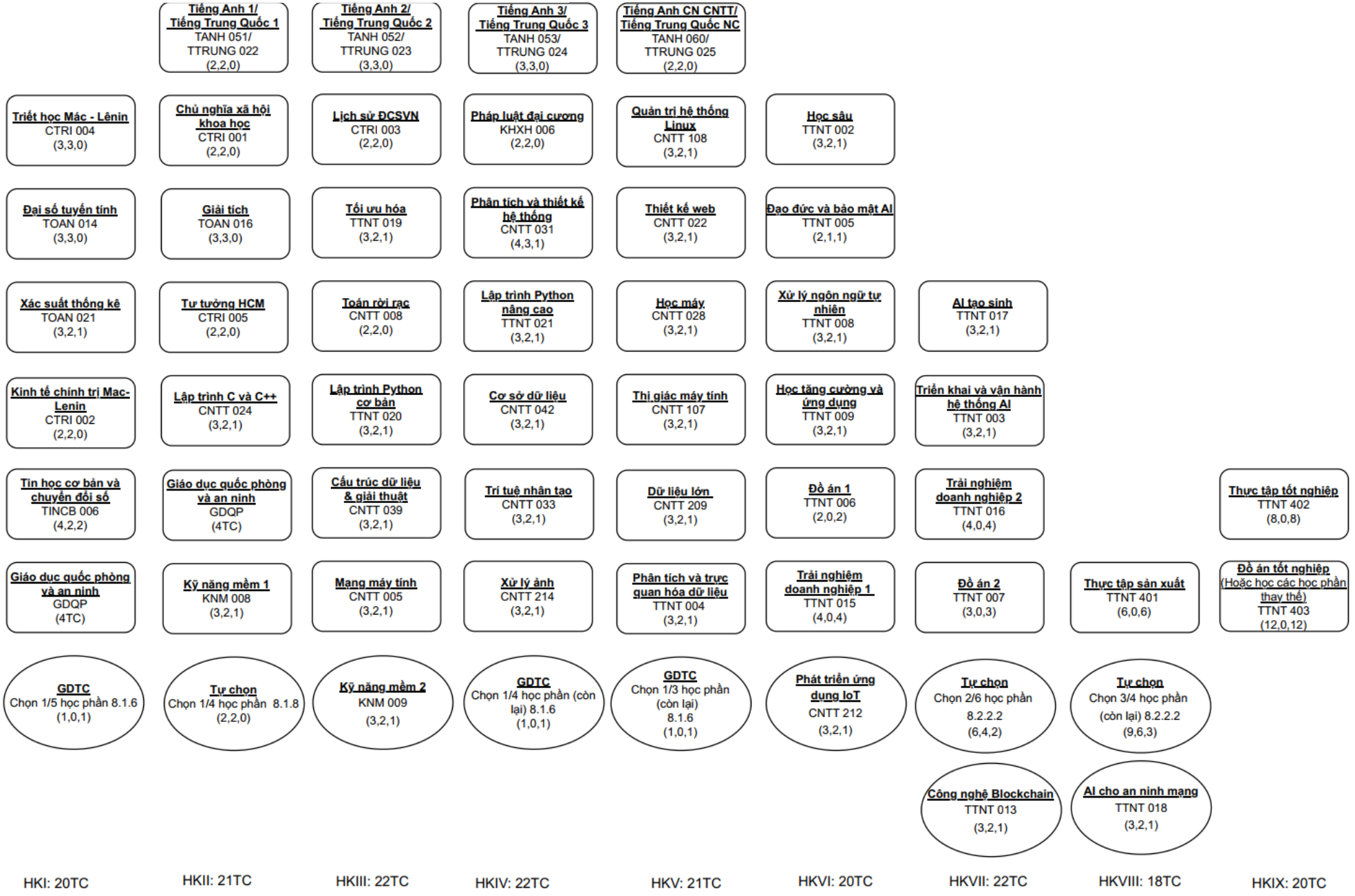

3.6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

SV xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Kế hoạch học tập được CVHT, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi học kỳ. Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường thông báo cho SV những học phần sẽ giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng.

SV phải thực hiện đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu (SV mới trúng tuyển, không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học). Các học phần đăng ký phải theo kế hoạch học tập.

Trước mỗi học kỳ SV vào hệ thống lập kế hoạch học tập, SV chỉ được đăng ký học phần cho học kỳ đó khi có lập kế hoạch học tập. Mỗi năm học được tổ chức thành ba học kỳ (trong đó có 02 học kỳ chính (học kỳ I và học kỳ II) và học kỳ phụ (học kỳ III):

+ Học kỳ I và học kỳ II là các học kỳ chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 01 tuần dự phòng và thi những học phần lẻ, 02 tuần thi học phần chung, 01 tuần xử lý kết quả và 01 tuần nghỉ giữa hai học kỳ. Học kỳ I bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, học kỳ II bắt đầu vào đầu tháng 01 đến cuối tháng 5.

+ Học kỳ III là học kỳ phụ kéo dài 8 tuần; trong đó gồm 05 tuần học, 03 tuần thi và xử lý kết quả. Học kỳ III bắt đầu vào tháng 6 đến cuối tháng 7. học kỳ III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học học kỳ III. Kết quả học tập của học kỳ III không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng hay kỷ luật SV.

- Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ SV đăng ký với số lượng TC như sau:

+ *Học kỳ chính*: SV được đăng ký tối đa 25 TC/học kỳ. Đối với học kỳ đầu tiên, SV không phải đăng ký học phần. Các học phần của học kỳ này sẽ do Nhà trường bố trí.

+ *Học kỳ phụ*: SV đăng ký tối đa 8 TC/học kỳ. Trường không bắt buộc SV phải học học kỳ này.

Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần:

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được GV phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi như bảng 3.1.

Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
Nhỏ hơn 4,0	F	0,0

3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.7.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành như sau:

- Ngành đào tạo: Trí tuệ nhân tạo
- Mã ngành: 7480107
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã trường tuyển sinh: SDU
- Tổ hợp môn xét tuyển sinh (Theo chương trình GDPT 2018):

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

X21: Toán, Địa lí, GDKT&PL

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm

3.7.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho SV khi tốt nghiệp ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Nhà trường được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận ĐBCL chuyên trách, hằng năm xây dựng kế hoạch ĐBCL tập trung vào hai hoạt động chính đó là khảo thí và ĐBCL. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập:

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua hệ thống khảo sát của Nhà trường. Thời điểm lấy ý kiến người học được thực hiện sau khi kết thúc học phần, khóa học. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học bao gồm: Nội dung, mức độ và được thông báo tới các phòng chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và GV.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Khoa Công nghệ thông tin được giao nhiệm vụ chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo, trình độ đại học. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Toán ứng dụng có 36 GV trong đó có 10 tiến sĩ, 26 thạc sĩ (Bảng 4.1). Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về

điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của BGDĐT theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022.

Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
1	Phùng Thị Lý 08/10/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2007	
2	Nguyễn Thị Nhan 01/01/1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2010	
3	Phạm Xuân Đức 10/02/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	2004	
4	Phạm Văn Dự 21/7/1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Triết học	2008	
5	Nguyễn Thị Hải Hà 07/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lịch sử Đảng	2006	
6	Vũ Thị Lương 01/01/1978		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2001	
7	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2003	
8	Trần Hoàng Yến 01/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007	
9	Phạm Thị Hồng Trang 16/8/1990		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	2020	
10	Nguyễn Thị Lan 07/8/1980		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2006	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
11	Bùi Thị Trang 17/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2010	
12	Nguyễn Viết Tuân 23/08/1983		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Toán giải tích	2007	
13	Nguyễn Thị Diệp Huyền 29/06/79		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán Giải tích	2006	
14	Nguyễn Kiều Hiên 15/07/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giải tích	2008	
15	Nguyễn Thị Tuyến 14/11/1990		Tiến sĩ, Pháp, 2016	Toán ứng dụng		2025
16	Hà Đình Soát 17/05/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục	2004	
17	Vũ Tiến Hiếu 19/11/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giáo dục thể chất	2008	
18	Lê Thị Huyền 26/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	2009	
19	Phạm Thị Hồng Hoa 23/05/1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế quốc tế	2002	
20	Nguyễn Thị Ngọc Mai 24/02/1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	2011	
21	Ngô Đại Phúc 13/07/1983		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	2009	
22	Nguyễn Thị Huế 28/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	2008	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
23	Phạm Thị Tâm 10/02/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học máy tính	2010	
24	Nguyễn Thị Bích Ngọc 20/01/1989		Thạc sĩ, Việt nam, 2016	Công nghệ thông tin	2012	
25	Hoàng Thị Ngát 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	2008	
26	Nguyễn Thế Long 13/03/1988		Tiến sĩ Nga, 2017	Kỹ thuật phần mềm		2025
27	Nguyễn Văn Đức 20/02/1987		Tiến sĩ Nga, 2016	Mô hình toán, phương pháp số và tổ hợp các chương trình máy tính		2024
28	Nguyễn Thị Thu 22/12/1983		Thạc sĩ, Việt nam, 2012	Truyền thông mạng máy tính	2007	
29	Hoàng Thị Thu Hiền 24/01/1985		Thạc sĩ, Việt nam, 2016	Công nghệ thông tin	2009	
30	Hoàng Thị Ngọc Diệp 18/05/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Công nghệ thông tin	2005	
31	Nguyễn Thị Thanh Bình 01/05/1974		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Khoa học máy tính	1996	
32	Hoàng Thị An 19/09/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Khoa học máy tính	2009	
33	Nguyễn Thị Ánh Tuyết 13/03/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin	2007	
34	Phạm Thị Hường 08/03/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Hệ thống thông tin	2005	
35	Phạm Văn Kiên 21/11/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 007	Sư phạm kỹ thuật	2004	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
36	Vũ Bảo Tạo 17/3/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Công nghệ thông tin	2003	

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	Số 423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 12.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Xây dựng nét văn hóa đặc trưng của sinh viên ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2019	24/05/2019	Đạt	ThS. Vũ Văn Đông ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Trần Thị Hồng Nhung	
2	Số 423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 16.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Khởi nghiệp kinh doanh: Sản phẩm lưu niệm Handmade	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2019	10/6/2019	Đạt	ThS. Ngô Thị Luyện ThS. Nguyễn Thị Huế ThS. Vũ Thị Hường ThS. Nguyễn Thị Thủy	
3	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ĐHSĐ	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 3/06/2020	04/7/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Trần Thị Hồng Nhung ThS. Nguyễn Thị Hiền	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
4	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 10.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Sử dụng phương pháp phân tích EFA và hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng quyết định chọn trường Đại học Sao Đỏ của sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Hồng	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 3/06/2020	12/7/2020	Đạt	ThS. Vũ Thị Hường ThS. Nguyễn Thị Huệ ThS. Nguyễn Thị Huế	
5	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019, 04.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng phần mềm quản lý ký túc xá trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 03/6/2020	04/07/2020	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
6	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/08/2019, 01.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật thực tế tăng cường ứng dụng xây dựng phần mềm quảng bá hình ảnh trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hoàng Thị An	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	04/07/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc ThS. Hoàng Thị Ngát	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
7	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Hà Đình Soát	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 3/06/2020	15/7/2020	Đạt	ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Nguyễn Đức Thuấn ThS. Quán Thanh Tùng ThS. Phạm Anh Dũng	
8	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 07.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của từ Hán Việt đến việc học tiếng Trung của sinh viên ngành Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Hoa	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	04/7/2019		ThS. Bùi Thị Trang ThS. Nguyễn Thị Xuyên	
9	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 11.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM đánh giá sự phản hồi của người	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 193/QĐ-ĐHSĐ, ngày 03/6/2020	03/6/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Đinh Thị Kim Thiết ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			học về chất lượng đào tạo khoa Kinh tế						
10	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 307/QĐ-ĐHSĐ, 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	
11	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020, 17.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý thiết bị, công cụ dụng cụ trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	10/06/2021	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Vũ Bảo Tạo	
12	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Đại học Sao Đỏ	ThS. Đặng Thị Minh Phương	Số 199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	08/6/2021	Đạt	ThS. Trần Hoàng Yến ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
13	Số 434/QĐ-	Cấp cơ	Nghiên cứu, xây	ThS. Phạm	Số 199/QĐ-	08/06/2021	Xuất	ThS. Hoàng Thị An	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHSĐ, 28/10/2021, 16.KHCN/20-21	sở	dựng phần mềm kiểm tra sự trùng lặp nội dung đồ án/khóa luận tốt nghiệp tại trường Đại học Sao Đỏ	Văn Kiên	ĐHSĐ, 02/6/2021		sắc	ThS. Phạm Thị Hường	
14	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 18.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tạo trợ lý ảo trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	08/06/2021	Đạt	ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Nguyễn Phúc Hậu	
15	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 13.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa Điện, Trường Đại học Sao Đỏ	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 199/QĐ-ĐHSĐ, ngày 02/6/2021	11/6/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
16	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 12.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Huế	Số 481/QĐ-ĐHSĐ, 06/12/2021	11/6/2021	Đạt	ThS. Vũ Thị Hường ThS. Nguyễn Thị Thủy	
17	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 26.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	Số 327/QĐ-ĐHSĐ, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	ThS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Phạm Thị Mai ThS. Lê Thị Huyền	
18	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, 31/5/2022	22/9/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Đặng Thị Dung ThS. Đỗ Thị Thùy	
19	Số 434/QĐ-ĐHSĐ 28/10/2021 13.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ R xây dựng thuật toán để giải một số bài toán	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/06/2022	23/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền ThS. Nguyễn Văn Toán ThS. Nguyễn Thị Hồng	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật.						
20	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 12.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu, số hoá đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSĐ, 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường	
21	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 12.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các khoa và Nhà trường	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSĐ, 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường	
22	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 11.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số	ThS. Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Văn Kiên	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
23	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 08.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/06/2022	11/6/2022	Đạt	ThS. Vũ Bảo Tạo ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Nguyễn Phúc Hậu	
24	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 07.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng ứng dụng khảo sát trực tuyến các bên liên quan về trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị Ngát	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, 21/6/2022	23/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
25	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích phổ điểm đánh giá học phần của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hoàng Thị An	Số 326/QĐ-ĐHSĐ, 30/06/2022	23/06/2022	Đạt		

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
26	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021, 09.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, 21/06/2022	23/06/2022	Đạt	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
27	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 28.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Thành lập bản đồ tài nguyên du lịch khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 284/QĐ-ĐHSĐ, 24/06/2022	06/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Bùi Thị Trang	
28	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của viên chức và sinh viên Trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Đức Thuấn	Số 327/QĐ-ĐHSĐ, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Hà Đình Soát ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Quán Thanh Tùng	
29		Tỉnh	Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 10/2021/TLHĐ	08/08/2022	Khá	TS. Nguyễn Thị Nhan TS. Phùng Thị Lý TS. Phạm Văn Dự ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương					TS. Nguyễn Viết Tuân ThS. Lê Thị Mai Nguyễn Thị Thanh Nhài Nguyễn Thanh Bình Tạ Thúy Ngân	
30	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Tình	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, 26/52023	30/5/2023	Đạt	TS. Phạm Thị Hồng Hoa ThS. Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	
31	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2022, 18.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phép biến đổi Fourier và Laplace, ứng dụng giải một số bài | toán trong kĩ thuật.	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	5/6/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Huệ ThS. Nguyễn Phương Tỵ ThS. Nguyễn Minh Loan	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
32	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022, 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học đã công bố trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2023	08/6/2023	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
33	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022, 14.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng khóa học IC3 trên hệ thống học trực tuyến E-Learning của trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 246/QĐ-ĐHSĐ, 13/6/2023	16/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
34	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Phạm Thị Hường ThS. Hoàng Thị An	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
35	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường ĐHSĐ	ThS. Phùng Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2023	6/7/2023	Đạt	TS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hải Hà ThS. Phạm Thị Mai	
36	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 271/QĐ-ĐHSĐ, 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Bùi Thị Trang	
37	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 09.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản trị đại học thông minh tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	06/06/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Ngô Thị Luyện ThS. Lê Thị Huyền	
38	VINIF.2020.DA 12, ngày 16/10/2020		Nghiên cứu phát triển công nghệ hàn mới, thiết kế chế tạo	TS. Ngô Hữu Mạnh, TS. Nguyễn	Số 23052/2023/ QĐ-	03/02/2023	Đạt	PGS.TS. Lê Thu Quỳnh PGS.TS. Phạm Xuân Thành PGS.TS. Ngô Thị Thảo	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
		VinGroup	hệ thống hàn tự động ứng dụng hàn nối các tấm mỏng và siêu mỏng vật liệu đồng chất hoặc không đồng chất trong các ngành sản xuất mũi nhọn	Văn Anh	VNCDLL, 23/05/2023			TS. Nguyễn Văn Trường TS. Nguyễn Văn Tuấn TS. Đỗ Văn Đỉnh TS. Nguyễn Trọng Các PGS.TS. Nguyễn Dương Nam PGS.TS. Phương Đình Tâm ThS. Phùng Thị Mến ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Hoàng Thị An ThS. Nguyễn Trọng Quỳnh ThS. Vũ Quang Ngọc ThS. Trịnh Văn Cường ThS. Mạc Văn Giang	
39	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/10/2023, 08.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tính ổn định và ổn định hóa của một lớp hệ Navier - Stokes trong cơ học chất lỏng	TS. Nguyễn Viết Tuân	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/5/2024	23/5/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
40	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, 30/10/2023, 06.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống xử lý yêu cầu lấy số thứ tự tự động	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, 21/5/2024	23/5/2024	Đạt	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Phạm Thị Hường ThS. Vũ Trí Võ	
41	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, 30/10/2023, 05.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác kiểm định chất lượng của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, 21/5/2024	23/5/2024	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường ThS. Nguyễn Đức Thắng ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc	
42	Số 520/QĐ-ĐHSĐ, 24/11/2020 52.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/5/2024	30/5/2024	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
43	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, 30/10/2023 16.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động ngoại khóa góp	ThS. Phạm Anh Dũng	Số 217/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/5/2024	06/6/2024	Đạt	ThS. Hà Đình Soát ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Nguyễn Thị Hải Hà ThS. Phạm Thị Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			phần cải thiện sức khỏe, tinh thần và thể chất cho cán bộ giảng viên và sinh viên trường Đại học Sao Đỏ						
44	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2024 15.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dung giá trị văn hoá truyền thống của Thành phố Chí Linh trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/5/2024	28/5/2024	Đạt	Phùng Thị Lý Đặng Thị Dung Đỗ Thị Thùy	
45	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2023, 18.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du	ThS. Đỗ Thị Thùy	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	ThS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay						
46	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2023, 17.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	TS. Phùng Thị Lý	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	TS. Phạm Thị Hồng Hoa ThS. Nguyễn Thị Mai	
47	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2023, 06.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng tích chập suy rộng và phần mềm Matlab Simulink để tính toán các chỉ tiêu chất lượng hệ truyền động T-D.	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2025	20/6/2025	Đạt	ThS. Vũ Hoàng Phương ThS. Phạm Thị Thảo	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
48	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2024, 02.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm dạy và học cho học phần Tiếng Trung căn bản 2 tại Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2025	05/06/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
49	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2024, 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học Vật lý lớp 10 cho học sinh trường THPT Nguyễn Thị Duệ theo hướng giáo dục Stem.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2025	05/06/2025	Khá	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
50	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2023, 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng PLC S7 -1.200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua webserver	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Quyên	
51	Số 565/QĐ-	Cấp cơ	Nghiên cứu, xây	ThS. Phạm	Số	05/6/2025	Khá	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHHĐ, 28/10/2024, 04.KHCN/24-25	sở	dựng website hỗ trợ học Vật lý lớp 10 cho học sinh THPT Nguyễn Thị Duệ theo hướng giáo dục STEM	Văn Kiên	232/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2025			ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
52	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2023, 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng PLC S7 -1.200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua webserver	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Quyên	
53	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2023, 19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm năng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hà Đình Soát	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	ThS. Vũ Tiến Hiếu	
54	Số 565/QĐ-	Cấp	Xây dựng giải pháp	ThS. Ngô	Số 216/QĐ-	27/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHSĐ, 28/10/2024 13.KHCN/24-25	cơ sở	truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của trường Đại học Sao Đỏ	Thị Luyện	ĐHSĐ, ngày 19/5/2024				
55	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2024 12.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp Marketing nhằm phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Hường	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, 19/5/2025	27/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Huế ThS. Nguyễn Thị Thủy	
56	Số 116/QĐ-SKHCN,20/01/2025, XH.16.ĐHSD.25-26	Cấp Tỉnh	Đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS.Nguyễn Thị Kim Nguyên	Đang thực hiện			TS. Nguyễn Thị Nhan Lê Lương Thịnh TS. Phạm Văn Dự TS. Phùng Thị Lý TS. Trần Hải Đăng TS.Vũ Văn Tản TS.Nguyễn Minh Tuấn ThS. Đặng Thị Hồng Yến	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
								ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình ThS. Lê Thị Huyền ThS. Phan Hoàng Đức	

Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Đỗ Văn Đỉnh, Hoàng Thị An, (số 4, 2020), Ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh kết hợp mô hình mạng học sâu nhận dạng hoa quả xuất khẩu, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
2	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên, (số 3, 2021), Ứng dụng Detectron2 phân loại quả cà chua, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
3	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An, (số 2, 2022), Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
4	Hoàng Thị An, Ngô Hữu Mạnh, Phạm Văn Kiên, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, (số 4, 2023), Ứng dụng mạng YOLO v8 phát hiện khuyết tật mối hàn, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Thị An, (19(03), 2024), Research on deep learning models and data preprocessing techniques for driver fatigue detection, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 19(03), 050–055	
6	Vũ Bảo Tạo, Đặng Văn Nam, Nông Thị Oanh, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Thị Ánh Tuyết (số 3(78), 2022), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
7	Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, P.C Зарипова (ISSN 2079-5920; 403-406), ИССЛЕДОВАНИЕ АЛГОРИТМОВ ЛИНЕЙНОЙ РЕГРЕССИИ ДЛЯ ПРОГНОЗИРОВАНИЯ ВЕСА ЧЕЛОВЕКА НА ОСНОВЕ ЕГО РОСТА, Научно технический вестник Поволжья.	
8	Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, P.C Зарипова (ISSN 2079-5920; 631-634), ОСОБЕННОСТИ РАЗРАБОТКИ ИГР В СРЕДЕ UNITY , Научно технический вестник Поволжья.	
9	Hoàng Thị Ngát (Số 2, 2025), EFFECTIVE USE OF BIG DATA IN BUSINESS MANAGEMENT STRATEGIES AND EXAMPLES OF SUCCESSFUL IMPLEMENTATIONS, Journal of Applied Research.	
10	Phạm Thị Hường (số 3, 2020), Phát hiện khẩu trang sử dụng mô hình học sâu MobileNet V2, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
11	Đặng Thành Trung, Phạm Quang Huy, Phạm Thị Hường (số 2, 2022), Nhận diện cảm xúc người học thời gian thực trong lớp học trực tuyến, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
12	Phạm Thị Hường, Trương Văn Tuấn (số 2, 2022), Nhận dạng vân tay sử dụng kỹ thuật học sâu, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
13	Trần Nguyễn Quỳnh Trâm, Phạm Thị Hường (số 4, 2022), Ứng dụng Bag-Of-Visual-Words trong nhận dạng cử chỉ bàn tay qua đặc trưng hình dáng của ảnh độ sâu và vị trí các khớp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
14	Phạm Thị Hường, Nguyễn Thị Phương Oanh, Nguyễn Thị Hồng Nhung (số 2, 2023), Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các học phần thực hành cho sinh viên khối ngành kỹ thuật tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
15	Tạ Thị Mai, Phạm Thị Hường (số 3, 2023), Ứng dụng điều khiển DC - DC hai chiều trong mạch sạc điện và xả điện cho acquy xe điện, Tạp chí Khoa học và công nghệ QUI.	
16	Nguyễn Thế Trung, Đặng Thành Trung, Phạm Thị Hường, Phạm Văn Kiên (số 3, 2023), Ứng dụng mạng tích chập cho nhận diện biển báo giao thông, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
17	Phạm Thị Hường, Phạm Văn Kiên (số 4, 2023), Áp dụng phương pháp dạy lập trình hướng vấn đề để phát triển tư duy tính toán cho sinh viên tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
18	Phạm Thị Hường (2024), Công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, trường học, doanh nghiệp tại Hải Dương, Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học & Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật lần thứ 59.	
19	Phạm Thị Hường, Nguyễn Trí Nhân (số 1, 2024), Kết hợp giao thức truyền tin TCP-Vegas và giao thức định tuyến DSR để nâng cao hiệu suất truyền tin trên mạng Mobile Ad-hoc, Tạp chí Khoa học và công nghệ QUI.	
20	Phạm Thị Hường (2025), Phát hiện viêm phổi trên ảnh X-quang bằng mô hình CNN, Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học & Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật lần thứ 60.	
21	Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Phúc Hậu, Application of fuzzing for vulnerability detection in software, 2025, ISBN 978-5-89873-689-7.	
22	Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Phúc Hậu, Application of artificial intelligence and big data to improve the efficiency of management decisions, Internauka.org, Issn 2415-8771.	
23	Nguyễn Thị Thu, Rimma S. Zaripova, Dinar A. Akhmetshin, Creating_a system to address problems in the discount aggregation market, 2024, Publishing House SCIENTIFIC LIBRARY Publication of scientific journals and books, ISSN 2308-927X, ISSN 2227-3891.	
24	Thị - Kien Dao, Trong – The Nguyên, Trinh – Dong Nguyen, Thi – Cuan – Hương Nguyen, Thi – Thu Nguyen, A Review of the Tabu Search Algorithm for Industrial Applications, 2024, Journal of Information Hiding and Multimedia Signal Processing, Volume 15, Number 3, September 2024. ISSN 2073-4212.	
25	Nguyen Thi Thu, Nguyen Phuc Hau, Tran Duy Khanh, Nguyen Van Dien, Cloud computing basic services and deployment model, 2024, Tháng 5/2024. Hội nghị khoa học quốc tế. Mã isbn 978 - 5 - 89873 -660-6.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
26	Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Thi Thu, Hoang Thi Ngat, Модель распознавания эмоций для оценки уровня удовлетворенности обучающихся, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 269-272.	
27	Nguyen Thi Thu, P.C Jaripova, Интернет вещей - революционная технология для решения проблем современности, 2023, Issn 2079-5920; 206-209.	
28	Nguyen Thi Thu, P.C Jaripova, Nguyen Phuc Hau, Big data: применение больших данных на практике, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 120-122.	
29	Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, 2022, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ P.ISSN 1859-4190, số 3 năm 2022, trang 32.	
30	Nguyễn Phúc Hậu, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, P.C. Зарипова, ZERO TRUST КАК ИНСТРУМЕНТ ЗАЩИТЫ ИНФОРМАЦИОННЫХ АКТИВОВ КОМПАНИЙ, 2023, Научно технический вестник Поволжья. SSN 2079-5920; 656 -658.	
31	Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Thi Thu, Hoang Thi Ngat, Модель распознавания эмоций для оценки уровня удовлетворенности обучающихся, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 269-272.	
32	Hoàng Thị An, Ngô Hữu Mạnh, Phạm Văn Kiên, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, (số 4, 2023), Ứng dụng mạng YOLO v8 phát hiện khuyết tật mối hàn, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
33	Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Vũ Văn Huân, Đặng Thị Khánh Linh, Nguyễn Huy Cửu, Analysis of time-varying brain connectivity using nonparametric Bayesian model, 2024, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 21(03), 069–076. ISSN: 2582-5003.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
34	Pham Thi Tam, эффективное использование больших данных в стратегиях управления бизнесом и примеры успешных реализаций, ISSN 2949-1878; 19-22.	
35	Nguyễn Thị Nhan (2020), Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68).2020, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
36	Nguyễn Thị Nhan (2020), Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong quản lý phát triển xã hội hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70).2020, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
37	Nguyễn Thị Nhan (2021), Học tập tấm gương làm việc trách nhiệm, khoa học, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng tác phong làm việc của giảng viên các trường đại học hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(73).2021, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
38	Nguyễn Thị Nhan (2022), Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76).2022, trang 100-106. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
39	Nguyễn Thị Nhan (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(77).2022, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
40	Nguyễn Thị Nhan, (2023), Phát huy năng lực tự học của sinh viên trong dạy học Triết học Mác - Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82).2023, trang 108-113. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
41	Nguyễn Thị Nhan (2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (85).2024, trang 109-115. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
42	Nguyễn Thị Nhan (2025), Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88).2025, trang 99-104. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
43	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đinh Công Tùng, Lê Đăng Sơn, Nghiên cứu và xây dựng mô hình học sâu phát hiện dấu hiệu mệt mỏi trong quá trình học trực tuyến, Nhà xuất bản Giao thông vận tải - ISSN : 1859-2724.	
44	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Thị An, Research on deep learning models and data preprocessing techniques for driver fatigue detection, Global Journal of Engineering and Technology Advances -ISSN: 2582-5003.	
45	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Application of deep learning models for traffic flow prediction based on time-series data, World Journal of Advanced Engineering Technology and Sciences International, Peer reviewed, Referred, Open access | ISSN Approved Journal, eISSN: 2582-8266.	
46	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đinh Công Tùng, Mai Đức Vinh, Ứng dụng học sâu dự đoán lưu lượng giao thông trên dữ liệu thời gian thực, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á, số ISSN: 2815-5807.	
47	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Mai Đức Vinh, Phạm Thị Loan, Nguyễn Văn Khởi, Cải tiến kiến trúc của mô hình học sâu cho bài toán phân loại u não trên ảnh cộng hưởng từ, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á, số ISSN: 2815-5807.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
48	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2020), Tính chất toán tử tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
49	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2022), Tính chất phổ của hàm trong không gian và tập sinh bởi đa thức, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
50	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2023), Bất đẳng thức tích chập của phép biến đổi Fourier cosine và Laplace với hàm trọng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
51	Nguyễn Kiều Hiên (số 3, 2024), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
52	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2025), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
53	Nguyễn Thị Diệp Huyền (số 2, 2023), Sự không tồn tại nghiệm của phương trình elliptic nửa tuyến tính suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
54	Nguyễn Thị Diệp Huyền (số 2, 2025), Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
55	Phạm Xuân Đức (số 4, 2021), Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4 (76), tr. 106-112.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
56	Phạm Xuân Đức (số 1,2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 106-112.	
57	Phạm Xuân Đức (số 1, 2022), Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 120-128.	
58	Phạm Xuân Đức (số 2, 2022), Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), tr. 115-122.	
59	Phạm Xuân Đức (số 1, 2023), Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80), tr. 121-127.	
60	Phạm Xuân Đức (số 1, 2024), Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (84).	
61	Phạm Xuân Đức (số 2,2024), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (85), tr. 122-128.	
62	Phạm Xuân Đức (số 2,2025), Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89), tr. 112-117.	
63	Phạm Xuân Đức (2024), Giáo trình Kỹ năng mềm, NXB Khoa học và kỹ thuật.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
64	Phùng Thị Lý (2021), Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt nam hiện nay, Số 1 (72) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	
65	Phùng Thị Lý (2021), Xây dựng xã hội học tập ở tỉnh Hải Dương hiện nay – Thực trạng và giải pháp, Số 4 (75) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
66	Phùng Thị Lý (2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay, Số 2 (77) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
67	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vào xây dựng lối sống văn hóa cho sinh viên Việt Nam hiện nay, Qúy 2 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
68	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin tại trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 4.	
69	Phùng Thị Lý (2025), Đa dạng hoá phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ Đại học, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 10.	
70	Phùng Thị Lý (2025), Phúc lợi doanh nghiệp với sự phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 11.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
71	Phùng Thị Lý (2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Sô2 (90) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
72	Phùng Thị Lý (2025), Vận dụng bài tập tình huống trong giảng dạy kỹ năng mềm ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 4/2025.	
73	Phùng Thị Lý (2022), Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới, Nxb Thế Giới.	
74	Phùng Thị Lý (2022), Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Nxb Khoa học và kỹ thuật.	
75	Phùng Thị Lý (2025), Giáo trình kỹ năng mềm, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.	
76	Vũ Tiến Hiếu (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), trang 123.	
77	Phạm Văn Dự (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
78	Phạm Văn Dự (2021), Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
79	Phạm Văn Dự (2022), Tư tưởng của Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận - Thực tiễn.	
80	Phạm Văn Dự (2022), Tư tưởng của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn.	
81	Phạm Văn Dự (2022), Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương.	
82	Phạm Văn Dự (2023), Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng", sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
83	Phạm Văn Dự (2023), Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử dụng trí thức yêu nước của xã hội cũ phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc - sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
84	Phạm Văn Dự (2024), Ý nghĩa thời đại tác phẩm "Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên" của V.I. Lênin, sự vận dụng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Thanh niên Nghiên cứu khoa học.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
85	Phạm Văn Dự (2024), Phận sự của cán bộ, đảng viên trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Nội chính.	
86	Phạm Văn Dự (2024), ''Đề cương văn hóa Việt Nam'' nội dung và ý nghĩa, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
87	Phạm Văn Dự (2024), Quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
88	Nguyễn Thị Hải Hà, Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Vinh, Số 1/2020.	
89	Nguyễn Thị Hải Hà, Tỉnh Hải Dương thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4(75).	
90	Nguyễn Thị Hải Hà, Giải pháp nâng cao chất lượng tự học, học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2(77).	
91	Nguyễn Thị Hải Hà, Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng tháng 5/2023 (kì 2).	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
92	Nguyễn Thị Hải Hà, Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay. Thực trạng và giải pháp, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng 5/2024 (kì 1).	
93	Hoàng Thị Ngọc Diệp, Trần Duy Khánh, Phạm Huy Hoàng, Trần Đình Khang (2023), Phân lớp người dùng tiềm năng của hệ thống học trực tuyến vuihoc, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (81).	
94	Nguyễn Thị Thanh Bình (2025), Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường đại học hiện nay, Tạp chí Công dân và khuyến học, số đặc biệt tháng 4.	
95	Vũ Thị Lương (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
96	Vũ Thị Lương (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng anh tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
97	Vũ Thị Lương (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy tiếng anh cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Giáo dục và xã hội, tháng 6/2024.	
98	Trần Hoàng Yến (2021), Nghiên cứu thực trạng nói tiếng Anh và đề xuất 1 số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (72), tr. 91-97.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
99	Trần Hoàng Yến (2022), Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (79), tr. 93-99.	
100	Trần Hoàng Yến (2023), Xây dựng môi trường văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (82), tr. 93-99.	
101	Trần Hoàng Yến (2023), Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng truyền thống của tỉnh Hải Dương trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
102	Trần Hoàng Yến (2024), Phát triển du lịch gắn liền với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (87), tr. 100-105.	
103	Trần Hoàng Yến (2024), Làng văn hoá và xây dựng làng văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Giáo dục và Xã hội tháng 7 năm 2024 (kỳ 2), tr.280-286.	
104	Trịnh Thị Chuyên (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
105	Trịnh Thị Chuyên (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
106	Trịnh Thị Chuyên (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
107	Trịnh Thị Chuyên (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí giáo dục và xã hội.	
108	Phạm Thị Hồng Trang(2021), **越南**语褒贬义汉越词与汉语中的 **源**头词的词义对比研, **中学生**报道-**教学研究**.	
109	Phạm Thị Hồng Trang (2024), Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung Việt tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Khoa học Quản lý và Công nghệ.	
110	Phạm Thị Hồng Trang (2025), Sử dụng trích đoạn phim để nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc trong các cơ sở giáo dục đại học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
111	Bùi Thị Trang (2021), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
112	Nguyễn Thị Lan (2020), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
113	Nguyễn Viết Tuân (số 1, 2020), Nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68). 2020, trang 87 - 91.	
114	Nguyễn Viết Tuân (số 4, 2020), Stabilization of the weak stationary solutions to 2D g - Navier - Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (71). 2020, trang 65 - 68.	
115	Nguyễn Viết Tuân (số 1, 2022), Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g- Navier-Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76). 2022, trang 51 - 56.	
116	Nguyễn Viết Tuân (số 3, 2023), Existence and nonexistence of solutions for a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic system, Commun. Korean Math. Soc. 38 (2023), No. 3, pp. 741–754.	
117	Vũ Tiến Hiếu (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), trang 123.	
118	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2021) Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa điện, trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(73)/2021.	
119	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ trồng chè: Trường hợp từ tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(76)/2022.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
120	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Hình ảnh thương hiệu trường Đại học Sao Đỏ - tiếp cận từ phía người học, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(77)/2022.	
121	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 7/2022.	
122	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Định hướng mô hình quản trị đại học thông minh Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 4/2023.	
123	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Giải pháp thúc đẩy thực hành ESG (Environmental – Social – Governance) tại doanh nghiệp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(81)/2023.	
124	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(83)/2023.	
125	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(84)/2024.	
126	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Giải pháp phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
127	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	
128	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(87)/2024.	
129	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (88)/2025.	
130	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức,Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2 (90)/2025.	
131	Nguyễn Thị Huế (2024), Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải Dương, tạp chí Kinh tế và dự báo. Số 16, tháng 8.	
132	Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (Số 17 tháng 6 năm 2023) Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, Tạp chí kinh tế và dự báo.	
133	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), Chính sách an sinh xã hội tại Thái Lan và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
134	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
135	Phạm Thị Hồng Hoa (2022), Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên trường đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
136	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), Chính sách an sinh xã hội đối nông dân Việt Nam, kinh nghiệm từ Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
137	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), Vận dụng quy luật từ những sự thay đổi về lượng, dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của SV ĐHSĐ hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo QG năm 2023.	
138	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	
139	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa tại tỉnh HD, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
140	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại VN, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
141	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại VN, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
142	T.H. Nguyen, T. L. Nguyen, D. N. Sidorov, A.I. Dreglea (2020), A Robust Approach to Detect Gas Bubbles through Images Analysis, Intelligent Decision Technologies.	
143	Nguyen T. Huong and Nguyen T. Long (2021), Deep Learning Methods for Classification of Road Defects, International Journal of Artificial Intelligence.	
144	Long The Nguyen, Huong Thu Nguyen, Alexander Diomidovich Afanasiev & Tao Van Nguyen (2021), Automatic Identification Fingerprint Based on Machine Learning Method, Journal of the Operations Research Society of China.	
145	Nguyen T. Long1 and Afanasiev D. Alexander1 and Nguyen T. Huong (2021), Segmentation of Forest Fire Images Based on Convolutional Neural Networks, International Journal of Artificial Intelligence.	
146	T.H. Nguyen, T.L. Nguyen, A.D. Afanasiev and T.L. Pham (2022), Optimizing Image Segmentation of Pavement Defects Using Graph-based Method, Intelligent Decision Technologies.	
147	H. T. Nguyen, L. T. Nguyen, A. D. Afanasiev, and L. T. Pham (2022), Classification of Road Pavement Defects Based on ConvolutionNeural Network in Keras, Automatic Control and Computer Sciences.	
148	Huong Nguyen Thu and Long Nguyen The (2023), An approach using deep learning for forest fire detection, Proceedings of the 5th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2023).	
149	Nguyen Thu Huong , Nguyen The Long , and Pham Thi Lien (2023), Improved Approach Build Anthropological Face Feature Maps Based on Convolution Neural Network, Advances in Information and Communication	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Technology. Lecture Notes in Networks and Systems.	
150	Nguyen The Long , Nguyen Thu Huong, Shmeleva Anna. G. , and Pham Thi Lien (2023), Application of Deep Learning Methods for Forest Fire Intelligent Image Processing, Advances in Information and Communication Technology.	
151	Nguyen T. Long, Nguyen T. Huong, Shmeleva G. Anna1 and Afanasiev D. Alexander (2024), Optimization of A Pavement Defects Detection System Using A Deep Learning Algorithm with Pre-train, International journal of Artificial Intelligence.	
152	Lien Pham Thi, Long Nguyen The and Huong Nguyen Thu (2024), Application Pre-trained Network – ResNet50 for the Classification of Electronic Components, Proceeding of the 6th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2024).	
153	Nguyen The Long, Nguyen Thu Huong, Pham Thi Lien, Anna Shmeleva Gen, and Tran Tuan Viet (2025), Deep Learning Application for Images Augmentation in Electrical Component Classification System, Advances in Information and Communication Technology. Lecture Notes in Networks and Systems.	

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ GV hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Công nghệ thông tin đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử GV đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành, dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Trí tuệ nhân tạo dự kiến mở.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động thực tế, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Hằng năm, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHSĐ có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng; Cơ sở 2 tại Km78, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo chủ yếu tại cơ sở 1 với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m^2. 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng

CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Trí tuệ nhân tạo.

Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy công nghệ thông tin với các trang thiết bị thực hành tương ứng. Với ngành Trí tuệ nhân tạo, nhà trường có phòng thực hành với các máy tính PC3D AI Trí Tuệ Nhân Tạo - I9 10900X- RTX 3060.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ https://saodo.edu.vn/. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT v.v…

Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	**Loại phòng học** *(Phòng học, phòng học thực hành)*	**Số lượng**	**Diện tích (m2)**	**Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy**		
				Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ học phần/môn học**
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, lập trình, khai thác phần mềm ứng dụng toán học, công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử …
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
I	**Phòng thực hành ngoại ngữ số 1**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	TTNT	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	TTNT	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ. Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
II	**Phòng thực hành ngoại ngữ số 2**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	TTNT	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	TTNT	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	TTNT	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	TTNT	

Bảng 5.3. Trang thiết bị phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng Kỹ thuật máy tính	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi Plasma Samsung 50
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
2	Phòng Kỹ thuật phần mềm	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LED LG 60LB561T
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
3	Phòng Tích hợp dữ liệu lớn và kết nối vạn vật	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Nagakawa
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LG 55 inch Model 55UN72
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
4	Phòng Mạng máy tính	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		1	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LG 55 inch Model 55UN72
		2	Máy chủ HP ProLiant ML10 Server
		2	Máy trạm HP Compaq Elite 8300
		1	Máy chủ cơ sở dữ liệu (X3650 M4)

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		2	Thiết bị router
		1	Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 2960-X Switch
		1	Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 3750-X Switch
		1	Converter 1Gbps
		1	Thiết bị Access point wifi Ruijie RG- AP720-L
		1	Router Mikrotik RB750 GR3
		3	Thiết bị Switch Gigabit
		1	Tủ mạng ComRack 27U
5	Phòng Truyền thông đa phương tiện	30	Máy vi tính
		1	Ti vi Plasma Samsung 50
		1	Điều hòa nhiệt độ Casper
		2	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Switch 24 cổng gigabit
		1	Switch 16 cổng gigabit
6	Phòng Thực tế ảo và trí tuệ nhân tạo	30	Máy vi tính
		1	Điều hòa nhiệt độ Casper
		2	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LED LG 60LB561T
		1	Switch 24 cổng gigabit
		1	Switch 16 cổng gigabit
		1	Máy tính PC3D AI Trí Tuệ Nhân Tạo - I9 10900X/ 32GB/ RTX 3060 12GB.
		1	Logitech webcam C922
		1	Kính thực tế ảo Oculus Quest 2 128GB

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

** Thư viện*

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m^2 với gần 5.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (http://lib.saodo.edu.vn), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 111 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (https://hub.idk.org.vn) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng phòng: 01
- Số lượng máy tính: 120 máy
- Diện tích phòng: 100 m^2
- Tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng
- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong (Bảng 5.3).

Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3	Wireless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4	Switch quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5	Switch quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Diện tích phòng: 500 m^2

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.

- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.

- Diện tích phòng: 100 m^2/phòng.

- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.

- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, v.v..

Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Trí tuệ nhân tạo

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	**Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ**			
1	Triết học Mác - Lênin	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
6	Pháp luật đại cương	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
7	Tiếng Anh 1	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
8	Tiếng Anh 2	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
9	Tiếng Anh 3	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
10	Tiếng Trung Quốc 1	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
11	Tiếng Trung Quốc 2	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
12	Tiếng Trung Quốc 3	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
13	Đại số tuyến tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
14	Giải tích	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
15	Tối ưu hóa	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
16	Xác suất và thống kê	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
17	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
18	Kỹ năng mềm 1	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
19	Khởi nghiệp kinh doanh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
21	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
22	Phương pháp tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
23	Toán rời rạc	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
24	Lập trình C và C++	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
25	Lập trình Python cơ bản	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
26	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
27	Mạng máy tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
28	Cơ sở dữ liệu	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
29	Phân tích và thiết kế hệ thống	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
30	Quản trị hệ thống Linux	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
31	Thiết kế web	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
32	Lập trình Python nâng cao	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
33	Trí tuệ nhân tạo	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
34	Học máy	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
35	Học sâu	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
36	Xử lý ảnh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
37	Thị giác máy tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
38	Dữ liệu lớn	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
39	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
40	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
41	Học tăng cường và ứng dụng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
42	AI tạo sinh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
43	Triển khai và vận hành hệ thống AI	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
44	Đạo đức và bảo mật AI	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
45	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
46	Học tăng cường và ứng dụng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
47	AI cho Robotics	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
48	Hệ thống khuyến nghị	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
49	AI giải thích	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
50	AI cho điện toán biên	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
51	Điện toán đám mây	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
52	Phát triển ứng dụng đa nền	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
53	Kỹ năng mềm 2	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
54	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
55	Tiếng Trung Quốc nâng cao	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
56	Phát triển ứng dụng IoT	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
57	AI cho an ninh mạng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
58	Công nghệ Blockchain	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
II	**Giáo trình chính và giáo trình tham khảo**			
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
2	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
3	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
4	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	NXB Đại học sư phạm Hà Nội	2021
5	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	NXB Khoa học Xã hội.	2021
6	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
7	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005
8	C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
9	V.I. Lênin Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
10	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Ngô Thái Hà	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2022
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
12	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
13	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	Mác - Lênin			
14	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
15	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2018
16	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008
17	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011
18	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
19	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
20	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
21	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
22	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
23	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
24	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
25	Real life – Pre Intermediate - Students' book	Sarah Cunning Ham, Peter Moor	Pearson Longman	2010
26	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
27	Advanced Grammar in Use	Martin Hewings	Cambridge University Press	2005

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
28	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
29	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia	2009
30	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
31	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
32	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
33	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
34	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
35	Giáo trình Hán ngữ (Tập 2 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2018
36	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
37	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
38	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 4	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
39	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
40	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020
41	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
42	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến, Phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Lương		
43	Tối ưu hóa	Nguyễn Hải Thanh	NXB Bách Khoa Hà Nội	2006
44	Tối ưu hoá quy hoạch tuyến tính và rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Giáo dục	1998
45	Tối ưu hoá ứng dụng	Nguyễn Nhật Lệ	NXB KHKT Hà Nội	2001
46	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
47	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2015
48	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh Mai Ngọc Diệu Nguyễn Tài Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
49	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office	Phạm Quang Huy Phạm Quang Huấn	NXB Thanh niên	2020
50	Giáo trình tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009
51	Tự học nhanh Microsoft Office	Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huấn	NXB Thanh niên	2020
52	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
53	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Văn Trung	Thông tin, NXB Văn hóa Hà Nội	2009
54	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
55	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020
56	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người	Hải Yến (dịch)	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ	2019

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	bạn tốt nhất của chính mình		Chí Minh	
57	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lẫm	NXB TDTT, Hà Nội	2006
58	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2018
59	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch Hà Nội	2013
60	Giáo trình bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT, Hà Nội	2011
61	Luật bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013
62	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2019
63	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục TDTT	NXB thể dục thể thao, Hà Nội	2015
64	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2010
65	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Thông tin, Hà N NXB Văn hóaội	2009
66	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần (BTV Alpha Books)	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2016
67	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yến Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2016
68	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội	2009
69	7 thói quen của bạn trẻ thành	Vũ Thị Thu Nhi,	NXB Tổng hợp TP	2020

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	đạt	Nguyễn Thành Nhân (dịch)	Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	
70	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
71	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2023
72	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 1	Bộ giáo dục đào tạo - Bộ quốc phòng	NXB Giáo dục	2009
73	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2	Bộ giáo dục đào tạo - Bộ quốc phòng	NXB Giáo dục	2009
74	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo - Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ	2013
75	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Bộ giáo dục đào tạo - Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ	2013
76	55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công	Ron Clark	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019
77	Very Easy TOEIC introduction, 3rd edition	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	2007
78	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2008
79	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
80	Giáo trình chuẩn HSK 3 – Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
81	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
82	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
83	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
84	Career paths Accounting	John Taylor Stephen	Express publishing	2012

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Peltier		
85	Giáo trình Mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB Thông tin và Truyền thông	2014
86	Cơ sở dữ liệu quan hệ và công nghệ phân tích thiết kế	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông	2018
87	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông.	2017
88	Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông.	2018
89	Computer Hardware Maintenance	Mohammed Yousuf Uddin	Prince Sattam bin Abdulaziz University	2015
90	Thiết kế web	Thạc Bình Cường, Vũ Thị Hậu	NXB Giáo dục Việt Nam	2011
91	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Ất, Lê Trường Thông	NXB Bách khoa Hà Nội	2021
92	Lập trình Python	Hoàng Thị An, Phạm Thị Hường, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	2025
93	Trí tuệ nhân tạo và Học sâu – Nguyên lý và Ứng dụng	Nguyễn Nhật Quang	NXB Thông tin và Truyền thông	2022
94	Học máy và Học sâu ứng dụng với Python	Trần Minh Quang	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2021
95	Nhập môn Học sâu với TensorFlow và Keras	Đặng Thị Hòa	NXB Giáo dục Việt Nam	2020
96	Nhận dạng và xử lý ảnh	Hoàng Văn Dũng	NXB Khoa học và kỹ thuật	2018

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
97	Effective MLOps: Model Development, Deployment, and Governance	Jeremy Jordan	Manning Publications	2024
98	Learn Hadoop in 1 Day	Krishna Rungta	eBook	2019
99	Hadoop The Definitive Guide	Tom White	O' Reilly Media	2015
100	Phân tích dữ liệu lớn	Đỗ Phúc	NXB Đại học quốc gia TP.HCM	2019
101	Python for Data Analysis	McKinney, W	O' Reilly Media	2017
102	Lập trình cơ bản PHP và MySQL	Joel Murach, Ray Harris	NXB Bách khoa Hà Nội	2019
103	Lập trình nâng cao PHP và MySQL	Joel Murach, Ray Harris	NXB Bách khoa Hà Nội	2019
104	Đạo đức trí tuệ nhân tạo - nguyên tắc, thách thức và cơ hội	Luciano Floridi (tác giả), Lê Thị Thùy Linh, Bùi Thanh Vân (dịch)	NXB Chính Trị Quốc Gia	2024
105	Reinforcement Learning: An Introduction	Richard S. Sutton, Andrew G. Barto	MIT Press	2018
106	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng	NXB Bách Khoa Hà Nội	2020
107	Mạng cảm biến không dây trên nền kiến trúc IP	Phạm Việt Bình	NXB Khoa Học Kỹ Thuật	2012
108	Nhập môn Robot học	Nguyễn Văn Khang	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2018
109	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	Phạm Văn Tiến	NXB Bách Khoa Hà Nội	2020
110	Recommender Systems: The Textbook	Charu C. Aggarwal	eBook	2016
111	Mastering Bitcoin: Programming the Open Blockchain	Andreas M. Antonopoulos	O'Reilly Media	2017

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
112	Blockchain: Blueprint for a New Economy	Melanie Swan	O'Reilly Media	2015
113	TinyML: Machine Learning with TensorFlow Lite on Arduino and Ultra-Low-Power Microcontrollers	Warden, P., & Situnayake	O'Reilly Media	2020
114	IoT for Beginners	Jen Fox, Jen Looper, Jim Bennett, Nitya Narasimhan	eBook	2021
115	Giáo trình kỹ thuật lập trình C (Căn bản và nâng cao)	Phạm Văn Ất	NXB Thông tin và truyền thông	2021
116	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục	2020
117	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa Nguyễn Tô Thành	NXB đại học quốc gia Hà Nội	2009
118	Hướng dẫn giải bài tập Toán rời rạc	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
119	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Bách khoa Hà Nội	2021
120	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
121	Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát triển phần mềm	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành	NXB Giáo dục	2008
122	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	PGS.TS. Hoàng Nghĩa Tý	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2018
123	Cơ sở dữ liệu quan hệ và công nghệ phân tích thiết kế	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin & Truyền thông	2018
124	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Ất Lê Trường Thông	NXB Bách Khoa Hà Nội	2021

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
125	Giáo trình thiết kế Web	Thạc Bình Cường	NXB Giáo dục	2011
126	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê Văn Phùng	NXB thông tin và truyền thông	2017
127	Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Lê Văn Phùng	NXB thông tin và truyền thông	2018
128	Microsoft SQL server 2008	Phạm Hữu Khang Phương Lan	NXB Lao động - Xã hội	2010
129	Lập trình cơ bản PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2016
130	Lập trình nâng cao PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2016
131	Cơ sở Công nghệ phần mềm	Lương Mạnh Bá	NXB Khoa học kỹ thuật	2018
132	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng	NXB Bách Khoa Hà Nội	2014
133	Xử lý ảnh số - lý thuyết và thực hành với matlab	Hồ Văn Sung	NXB Khoa học kỹ thuật	2009
134	Giáo trình Toán rời rạc	Hoàng Nhật Quy	NXB Thông tin và truyền thông	2010
135	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Ba	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
136	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	TS. Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2017
137	Giáo trình nhập môn mạng máy tính	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo Dục	2009
138	Python Cookbook	David Beazley, Brian K. Jones	O'Reilly Media 3rd ed	2013
139	Lập trình hướng đối tượng với C++	Lê Đăng Hưng, Tạ Tuấn Anh,	NXB khoa học và kỹ thuật	2009

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Nguyễn Hữu Đức , Nguyễn Thanh Thủy		
140	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Ất Lê Trường Thông	NXB Bách Khoa Hà Nội	2017
141	Beginning C++ Programming	Richard Grimes	Packt Publishing	2017
142	Introducing Microsoft SQL Server 2019	Kellyn Gorman, Allan Hirt, Dave Noderer, James Rowland- Jones, Arun Sirpal, Dustin Ryan, and Buck Woody	Packt Publishing	2019
143	Giáo trình Lắp ráp và cài đặt máy tính	Tổng cục dạy nghề	Bộ lao động thương binh xã hội	2013
144	Deep Learning cơ bản	Nguyễn Thanh Tuấn	Ebook	2020
145	Elements of AI	Reaktor Education The University of Helsinki	Course online	2018
146	Sử dụng PHP và MySQL thiết kế web động	Nguyễn Trường Sinh	NXB Thống kê	2008
147	Mật mã an toàn thông tin	Trương Tiến Tùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2011
148	Nhập môn xử lý ảnh số	Lương Mạnh Bá, Nguyễn Thanh Thủy	NXB khoa học và kỹ thuật	2007
149	Xử lý ảnh số lý thuyết và thực hành với Matlab	Hồ Văn Sung	NXB khoa học và kỹ thuật	2009
150	Nhận dạng và xử lý ảnh	Hoàng Văn Dũng	NXB khoa học và kỹ thuật	2018
151	OpenCV with Python By Example	Prateek Joshi	Packt Publishing	2015
152	Learn Hadoop in 1 Day	By Krishna Rungta	Design by	2019

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
			Amandeep	
153	Internet-of-Things (IoT) Systems: Architectures, Algorithms, Methodologies	Dimitrios Serpanos & Marilyn Wolf	NXB Springer	2018

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Toán ứng dụng, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, GV, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo dự kiến mở, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường ĐHSĐ là Phòng Quản lý đào tạo và Tuyển sinh, Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo; kế hoạch đào tạo; quy định và quy trình đào tạo; công tác tổ chức giảng dạy; biên soạn giáo trình; công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý ngành Trí tuệ nhân tạo dự kiến mở là Khoa Công nghệ thông tin với 24 năm kinh nghiệm giảng dạy bao gồm ngành học là Công nghệ thông tin và học phần Tin học cơ bản trong các CTĐT của các ngành của Trường.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo gồm các thành viên sau (Bảng 5.5):

Bảng 5.5. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo dự kiến mở

STT	Họ và tên	Trình độ Đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Kiên	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa Phụ trách khoa	

2	Vũ Bảo Tạo	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa/ Trưởng Bộ môn	

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) cùng các điều kiện mở ngành, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành AI được xây dựng đáp ứng các quy định bảo đảm chất lượng và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, một số rủi ro có thể phát sinh trong quá trình tuyển sinh và đào tạo cần được dự báo để có giải pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời.

Rủi ro về chất lượng nguồn tuyển sinh: Nhu cầu nhân lực AI rất lớn, những ngành mới có thể gặp khó khăn trong giai đoạn đầu. Nếu số lượng thí sinh chưa đáp ứng, Nhà trường/Khoa sẽ đẩy mạnh truyền thông đa kênh, tư vấn trực tiếp và qua nền tảng số để giới thiệu xu thế phát triển AI, cơ hội nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực. Đồng thời, tiếp cận các doanh nghiệp công nghệ để khảo sát và cập nhật yêu cầu, từ đó điều chỉnh hoạt động tuyển sinh phù hợp.

Rủi ro cạnh tranh trong tuyển sinh: Ngành AI có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo. Giải pháp là không ngừng nâng cao chất lượng chương trình, uy tín của trường, định kỳ khảo sát nhu cầu nhân lực để kịp thời cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo phù hợp yêu cầu tuyển dụng. Đồng thời, tăng cường hoạt động hỗ trợ việc làm sau tốt nghiệp và đẩy mạnh truyền thông thương hiệu.

Sinh viên bỏ học hoặc không đảm bảo tiến độ: Chương trình sẽ được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng người học; giảng viên được bồi dưỡng chuyên môn, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm tạo hứng thú. Cố vấn học tập thường xuyên theo dõi tiến độ, hỗ trợ kịp thời, đồng thời có chính sách động viên, khen thưởng phù hợp để giảm thiểu tình trạng bỏ học.

Rủi ro thiếu đội ngũ giảng viên AI: Đây là lĩnh vực đòi hỏi trình độ cao, nguồn nhân lực chất lượng còn hạn chế. Nhà trường cần chiến lược phát triển, thu hút, đãi ngộ và đào tạo đội ngũ, đồng thời hợp tác với chuyên gia, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ để mời giảng và hỗ trợ nghiên cứu.

7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được ngành dự kiến mở.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với GV, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

VII. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Trí tuệ nhân tạo, mã ngành: 7480107 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo mã ngành 7480107 trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, CNTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Đỗ Văn Đỉnh